

40 CÂU HỎI VỀ THÁNH LỄ

Lời tựa: Giáo Hội luôn nhấn mạnh tầm quan trọng và sự cao quý của **Thánh lễ**. Quy chế tổng quát của Sách Lễ Rô-ma mở đầu bằng câu sau đây: “Việc cử hành Thánh lễ, với tính cách là hành động của Chúa Ki-tô và của dân Thiên Chúa, được tổ chức theo phẩm trật, là trung tâm toàn bộ đời sống Ki-tô giáo, đối với Hội Thánh toàn cầu, cũng như Hội Thánh địa phương, và đối với từng tín hữu” (số 1). Giáo Hội được dưỡng nuôi và sống bởi Lời Chúa và Thánh Thể. Vì thế, Giáo Hội mời gọi tất cả chúng ta cố gắng tìm hiểu, khám phá ra hoặc khám phá lại Thánh lễ, là hành vi trung tâm của đời sống Ki-tô giáo chúng ta. Chúng ta có thể tìm hiểu ý nghĩa của Thánh lễ dưới ba khía cạnh: Kinh Thánh, thần học và lịch sử. Ngoài ra, có thể thêm khía cạnh thứ tư mà chúng ta sắp sử dụng: đó là nghi thức, nghĩa là nghiên cứu các nghi thức trong Thánh lễ để tìm hiểu và khám phá ra ý nghĩa đích thật của Thánh lễ.

Chắc hẳn, đã có lần bạn đặt câu hỏi về ý nghĩa của một vài nghi thức Phụng vụ khi bạn tham dự thánh lễ: dấu Thánh giá, cộng đoàn đứng lên khi nghe công bố Tin Mừng (Phúc Âm), nghi thức bẻ bánh...

Thật ra, mỗi một nghi thức đều ẩn chứa biết bao ý nghĩa phong phú. Mỗi hành vi phụng vụ đều có ý nghĩa thần học cả.

Tài liệu này được đưa lên mạng lưới điện toán toàn cầu nhằm mục đích giải thích những nghi thức quan trọng của Thánh lễ, được trình bày theo thứ tự thời gian trong Thánh lễ, và cho một vài giải thích liên quan đến Thánh lễ, cũng như trả lời một số câu hỏi mà bạn thường đặt ra.

Những câu trích dẫn trong Thánh lễ, của Sách Lễ Rô-ma, lấy theo bản dịch 1992 của Hội đồng Giám mục Việt Nam.

1. Thánh lễ bắt nguồn từ đâu?
2. Và diễn tiến lịch sử hình thành Thánh lễ ra sao?
3. Các phần trong Thánh lễ như thế nào?
4. Linh mục đóng vai trò gì trong Thánh lễ?
5. Tại sao Thánh lễ luôn được cử hành giống nhau, đọc hoài những lời bất biến?
6. Tại sao linh mục phải mặc áo dài trắng, áo lễ và đeo dây các phép?
7. Đây là ý nghĩa của màu sắc các phẩm phục phụng vụ?
8. Tại sao khi bước vào nhà thờ, người ta làm dấu Thánh giá với nước thánh?
9. Tại sao Thánh lễ thường bắt đầu bằng một bài hát?
10. Tại sao linh mục cúi hôn bàn thờ?

11. Dấu Thánh giá mang ý nghĩa gì?
12. Amen nghĩa là gì?
13. Tại sao, sau Công đồng Vatican II, linh mục chủ tế lại đứng đối diện với cộng đoàn?
14. Các bài đọc được chọn lựa như thế nào?
15. Bài Thánh vịnh có vai trò gì?
16. Tại sao phải đứng lên khi nghe công bố Tin Mừng?
17. Tại sao phải làm tới ba dấu Thánh giá trước khi nghe Tin Mừng?
18. Tại sao đọc Kinh Tin Kính?
19. Đây là ý nghĩa của Lời nguyện tín hữu?
20. Quyên tiền có phải là nghi thức thừa thừa không?
21. Tại sao chủ tế đổ ít nước vào rượu?
22. Cử hành Thánh lễ với loại rượu nho nào?
23. Tại sao chủ tế lại rửa tay cuối phần Dâng lễ?
24. Kinh Tạ Ôn là gì?
25. Tại sao chỉ có một mình linh mục đọc Kinh Tạ Ôn?
26. Chúc bình an, một hành vi xã giao mà thôi?
27. Nghi thức bẻ bánh có ý nghĩa gì?
28. Tại sao chủ tế bỏ một miếng bánh thánh nhỏ vào chén thánh?
29. Tại sao phải dùng bánh không men trong Thánh lễ?
30. Có phải không lên rước lễ vì ta tự xét là không xứng đáng hoặc chưa sẵn sàng chăng?
31. Tại sao chúng ta ít khi được rước cả Mình Thánh và Máu Thánh Chúa?
32. Nên rước lễ bằng tay hay bằng miệng?
33. Tại sao các tín hữu không tự đến lấy bánh thánh?
34. Câu chúc kết thúc Thánh lễ “Lễ đã xong, chúc anh chị em ra về bình an” có ý nghĩa gì?

35. Bông lễ (tiền xin lễ) để làm gì?
36. Có thể cử hành Thánh lễ chỗ nào khác ngoài nhà thờ không?
37. Dự lễ qua đài truyền hình hoặc truyền thanh có được coi là tham dự Thánh lễ thật sự hay không?
38. Tại sao ngôn ngữ phụng vụ không thích nghi với ngôn ngữ ngày nay?
39. Để cử hành Thánh lễ, người ta có thể thay thế bánh miến và rượu nho bằng các thứ khác, chẳng hạn bằng cơm và trà ở Á châu, hoặc bằng bánh khoai mì và rượu thốt-nốt bên Phi Châu được không?
40. Tại sao buộc đi lễ Chúa Nhật?

Giải thích một số từ Phụng vụ

LM Giu-se Vũ Thái Hòa



1. Thánh lễ bắt nguồn từ đâu?

Trong Giáo hội Công giáo, với phong trào canh tân Phụng vụ khởi phát ít lâu trước Công đồng Vatican II (1962-1965), được thảo luận rộng rãi trong Công đồng, và dần dần được áp dụng với những thay đổi mà ta đã thấy khá quen thuộc như hiện nay, người ta càng ngày càng ý thức sâu sắc hơn về ý nghĩa đích thực của Thánh lễ như là hành vi cảm tạ, ngợi khen và hân hoan. Thật vậy, Thánh lễ là hiến tế tạ ơn. Cách gọi này đã xuất hiện từ lâu và gọi lên lịch sử của Thánh lễ. Thánh lễ bắt nguồn từ một nghi thức của Do Thái, nghi thức Vượt Qua, trong đó mỗi gia đình người Do Thái dâng lời cảm tạ Thiên Chúa đã thương giải phóng dân tộc của họ thoát khỏi ách nô lệ của Ai Cập, cảm tạ Người vì những cuộc giải cứu khác về mặt thiêng liêng mà cuộc giải phóng đầu tiên này là dấu chỉ. Nghi thức Vượt Qua cũng loan báo Đấng Cứu Tinh sẽ đến, là Đấng Thiên Sai sẽ chiến thắng sự chết và tội lỗi, và sẽ đưa lịch sử thánh đến sự hoàn tất.

Diễn tiến của nghi thức này cũng chính là diễn tiến mà chúng ta gặp trong Thánh lễ hôm nay: nhắc lại những kỳ công mà Thiên Chúa đã thực hiện cho dân Người, tiếng hát và lời tạ ơn, chúc tụng và chia sẻ bánh, rượu.

Bạn đừng ngạc nhiên về những điểm giống nhau của Thánh lễ với nghi thức Vượt Qua của người Do Thái: bởi trong chính một buổi cử hành Lễ Vượt Qua, Chúa Ki-tô đã lập Bí tích Thánh Thể. Thay vì chỉ chúc tụng và cảm tạ Thiên Chúa đã ban cho bánh, rượu và mọi điều hạnh phúc, Chúa Giê-su “cầm lấy bánh, dâng lời tạ ơn, bẻ ra và nói: ‘Đây là Mình Thầy, chịu phó nộp vì các con: các con hãy làm việc này để tưởng nhớ đến Thầy’. Cũng vậy, sau bữa ăn, Người cầm lấy chén rượu và nói: ‘Chén này là Giao Ước mới

trong máu Thầy; mỗi lần các con uống, các con hãy làm việc này để tưởng nhớ đến Thầy” (1 Cr 11, 23-25).

Như vậy, chúng ta thấy rõ Bữa Tiệc Ly bắt nguồn từ một nghi thức tạ ơn của người Do Thái được cử hành để tưởng nhớ cuộc giải phóng của dân riêng Thiên Chúa. Nhưng dù vẫn giữ lại ý nghĩa của nghi thức này, Chúa Ki-tô lại làm phong phú thêm bằng một ý nghĩa mới mang tầm vóc hoàn vũ. Chính Người, là Đấng Cứu Tinh mà mọi người mong đợi, đang thực hiện cuộc giải phóng dân mới của Chúa, tức là Giáo Hội, được cứu độ bởi Thánh giá và sự phục sinh của Người. Từ Bữa Tiệc Ly đó, các Ki-tô hữu dâng lên Chúa Cha, mỗi ngày và mọi nơi, của lễ hy sinh và tạ ơn của chính Chúa Ki-tô.

2. Và diễn tiến lịch sử hình thành Thánh lễ ra sao?

Các Tông đồ và giáo dân tiên khởi đã cử hành nghi thức “bẻ bánh” (danh từ các tín hữu thời ấy dùng để nói đến thánh lễ): “Hằng ngày, họ đồng tâm nhất trí chuyên cần lui tới Đền Thờ, bẻ bánh ở tư gia và ăn uống đơn sơ, vui vẻ” (Cv 2, 46). Họ dùng bữa, với nghi thức “bẻ bánh”, nay ở nhà người này, mai tại nhà người kia. Cộng đoàn thời ấy được xem như là một “đền thờ sống động”.

Rất sớm, người ta đã thêm vào trong bữa ăn này những bài thánh ca, kinh nguyện và những bài đọc Kinh Thánh.

Chỉ từ thế kỷ IV, người ta mới nói đến “Lễ Misa” (xem chữ này ở phần cuối: Giải thích một số từ Phụng vụ). Vào thời ấy, sau khi Hoàng đế Constantine trở lại Đạo Công giáo, người ta thấy xuất hiện những cộng đoàn đông đảo Ki-tô hữu. Các nghi lễ Phụng vụ chịu ảnh hưởng các nghi thức và lễ hội của người Rô-ma. Y phục được dùng trong các buổi lễ thời đó là nguồn gốc của tu phục, áo lễ giáo sĩ mà bạn thấy hiện nay. Dần dần, người ta không còn ý thức về ý nghĩa của cộng đoàn và của bữa ăn mà trong đó Chúa Ki-tô chính là lương thực nuôi sống nhân loại. Người ta rước lễ ít hơn. Vài thế kỷ sau đó thì mai một thêm ý thức về bữa ăn và về tâm tình tham dự vào hy lễ. Thánh lễ trở thành một buổi trình diễn có tính cách thánh thiêng.

Vào thế kỷ XII, việc tôn sùng đối với sự hiện diện thực sự của Chúa Ki-tô nơi Bánh Thánh đưa đến việc trưng bày Bánh Thánh trên bàn thờ (Chầu Thánh Thể). Việc linh mục giơ cao bánh đã được truyền phép xuất phát từ việc các tín hữu ước mong được “nhìn” Bánh Thánh (khoảng từ năm 1200). Việc nâng cao Chén Thánh được thêm vào sau đó.

Vào thế kỷ XIII và XIV, người ta thấy xuất hiện những cuộc kiệu rước Thánh Thể đầu tiên. Tín hữu “ngắm nhìn” Thánh Thể nhưng ít khi rước lễ. Phải chờ đến triều đại của

Đức Giáo hoàng Pi-ô X, họ mới ý thức lại việc rước lễ “thường xuyên” (1905) và việc cho trẻ em rước lễ (1910).

Trong Thánh lễ, các tín hữu rất thụ động. Năm 1947, Đức Giáo hoàng Pi-ô XII công bố Thông điệp “Mediator Dei” (Đấng Trung gian của Thiên Chúa) nhằm canh tân Phụng vụ dưới mọi phương diện, trong đó có việc mời gọi cộng đoàn đối đáp với linh mục chủ tế.

Với Công đồng Vatican II, người ta tìm lại được ý nghĩa sâu xa của Thánh lễ, được tất cả mọi người cùng cử hành dưới sự chủ tọa của linh mục, là bữa tiệc của Thiên Chúa và là nghi thức bẻ bánh. Cách đây không lâu, lòng tôn sùng Thánh Thể vẫn còn được xem như là việc đạo đức cá nhân, nay thì Thánh lễ lại trở nên hành vi tạ ơn của toàn dân Chúa.

3. Các phần trong Thánh lễ như thế nào?

Thánh lễ gồm 2 phần:

- Phụng vụ Lời Chúa
- Phụng vụ Thánh Thể

Hai phần này liên kết chặt chẽ với nhau làm thành một hành vi phụng tự duy nhất. Thật vậy, Thánh lễ là bàn tiệc gồm Lời Chúa và Thánh Thể, nơi đây các tín hữu được giáo huấn và bổ dưỡng.

Các nghi thức trước phần Phụng vụ Lời Chúa (gồm bài ca nhập lễ, lời chào, nghi thức sám hối, kinh Thương xót, kinh Vinh danh và lời nguyện nhập lễ) đều có tính cách mở đầu, dẫn nhập và chuẩn bị.

Các nghi thức vừa kể trên nhằm giúp các tín hữu hiệp thông với nhau, chuẩn bị tâm hồn để lắng nghe Lời Chúa và cử hành Thánh lễ cho xứng đáng.

- Phụng vụ Lời Chúa

Phần chính yếu của Phụng vụ Lời Chúa là các bài đọc trích từ Kinh Thánh, với những bài thánh ca kèm theo. Còn bài giảng, lời tuyên xưng đức tin (Kinh Tin Kính) và lời nguyện giáo dân, cũng gọi là lời nguyện tín hữu, có mục đích khai triển và kết thúc phần Phụng vụ Lời Chúa.

- Phụng vụ Thánh Thể

– Dâng lễ: chuẩn bị lễ vật mà trong giây lát nữa sẽ trở thành Mình và Máu Chúa Ki-tô.

– Kinh Tạ Ơn: là trung tâm và là đỉnh điểm của Thánh lễ (chúng ta sẽ khai triển ở phần sau).

– Những nghi thức Hiệp lễ: Kinh Lạy Cha, chúc bình an, bẻ bánh, kinh Lạy Chiên Thiên Chúa, rước lễ và lời nguyện hiệp lễ.

Sau phần Phụng vụ Thánh Thể là nghi thức Kết lễ: chào và ban phép lành, và giải tán cộng đoàn giáo dân.

4. Linh mục đóng vai trò gì trong Thánh lễ?

◦ Giám mục hoặc linh mục chủ toạ Thánh lễ là dấu chỉ sự hiện diện của Chúa Ki-tô trong Giáo Hội của Người. Điều đó quả quyết rằng, lúc những người đã chịu Phép Rửa tụ họp nhau lại, đó là chính Chúa Ki-tô quy tụ và phán dạy họ, chính Người ban Mình của Người và xây dựng Giáo Hội.

Nếu có nhiều linh mục đồng tế, thì chỉ có một vị chủ tế từ đầu đến cuối Thánh lễ. Vị chủ tế đó biểu tượng cho sự hiện diện của chính Chúa Ki-tô trong Giáo Hội của Người.

◦ Khi đọc những lời nguyện, linh mục chủ tế luôn nhân danh cộng đoàn (sẽ đề cập chi tiết hơn ở những câu hỏi sau).

5. Tại sao Thánh lễ luôn được cử hành giống nhau, đọc hoài những lời bất biến?

Bởi vì Chúa Giê-su đã phán dạy: “Các con hãy làm việc này mà nhớ đến Thầy” (Lc 22, 19; 1 Cr 11, 24-25). Do đó, chúng ta thực hiện những gì mà Chúa Giê-su đã truyền cho chúng ta phải làm để tưởng nhớ đến Người. Từ gần 2000 năm qua, chỉ có một vài thay đổi nhỏ trong thể thức diễn tả mà thôi. Và cũng gần 2000 năm qua, người Ki-tô hữu không ngừng tuyên đọc: “Trước ngày chịu nạn, Chúa Giê-su cầm lấy bánh... cầm lấy chén rượu...” và họ cùng làm một cách thức như thế.

Trong Thánh lễ, chúng ta không cử hành Bữa Tiệc Ly, nhưng là cử hành sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-su. Để thực hiện điều đó, chúng ta dựa trên cử chỉ và lời nói của Chúa Giê-su ở bữa Tiệc Ly. Có tất cả 4 cử chỉ: “Chúa Giê-su cầm lấy bánh, tạ ơn, bẻ ra và trao cho các môn đệ”. Toàn phần Phụng vụ Thánh Thể tóm gọn trong đó:

◦ Chúa Giê-su cầm lấy bánh (và rượu): đây là phần Dâng lễ

◦ Tạ ơn: Kinh Tạ Ơn

◦ Bẻ ra: Nghi thức bẻ bánh

◦ Trao cho cho các môn đệ: rước lễ

Sự “tưởng nhớ” của Thánh lễ không chỉ là một kỷ niệm, nhưng là tác động bí tích, qua đó, điều Chúa Ki-tô đã thực hiện một lần duy nhất trong quá khứ được ban cho chúng ta thực sự trong hiện tại của đức tin Ki-tô giáo.

Về vấn đề tham dự Thánh lễ Chúa Nhật, chúng ta có thể đặt câu hỏi: Tại sao không cử hành Thánh lễ ngày thứ năm, vì Chúa Ki-tô đã lập Bí tích Thánh Thể ngày Thứ Năm Tuần Thánh?

Chúa Nhật là ngày ưu tiên để cử hành Thánh lễ, vì đó là ngày Chúa Phục Sinh. Và Thánh lễ chỉ có thể cử hành khi Chúa Ki-tô đã sống lại. Thánh Phao-lô có nói: “Nếu Chúa Ki-tô không sống lại, thì lời giảng dạy của chúng tôi là hư vô và đức tin của anh em là mơ hồ” (1 Cr 15, 14). Nói cách khác, nếu Chúa Ki-tô không sống lại, thì không có đức tin, không có Giáo Hội và cũng không có các bí tích.

Như thế, cử hành Thánh lễ Chúa Nhật có một ý nghĩa thần học rất quan trọng. Thánh lễ không phải là sự lặp lại của Bữa Tiệc Ly. Cử hành Thánh lễ Chúa Nhật xác định rằng đó là sự tưởng niệm sự chết và sự sống lại của Chúa Ki-tô. Chính trong buổi tối Phục sinh mà hai môn đệ, trong nhà trọ tại làng Emmau, đã nhận ra Chúa Sống Lại khi Người bẻ bánh (Lc 24, 13-35).

Sau cùng, Chúa Nhật là ngày toàn Dân Chúa dâng lời tạ ơn, tán tụng lên Thiên Chúa, cảm tạ Người đã chiến thắng sự chết.

6. Tại sao linh mục phải mặc áo dài trắng, áo lễ và đeo dây các phép?

◦ Áo dài trắng (cũng gọi là áo Alba) là loại áo chùng dài màu trắng với hai ống tay rộng, được mặc bên trong.

◦ Dây các phép (cũng gọi là dây Stola) là một dải vải dài, thường cùng màu với áo lễ. Giám mục và linh mục mang dây các phép chung quanh cổ và rủ xuống phía trước, còn thầy phó tế thì đeo chéo vai. Cách đeo dây các phép cho phép ta dễ nhận ra phẩm trật của các chức thánh (giám mục, linh mục, phó tế).

◦ Áo lễ, rất rộng phủ ngoài áo dài trắng. Màu áo thì tùy theo mùa phụng vụ hoặc theo ngày lễ: đỏ, xanh, tím, trắng (hoặc vàng).

Phó tế chỉ mặc áo trắng và dây các phép (chéo vai).

Trong Hội Thánh là Nhiệm Thể Chúa Ki-tô, các chi thể không thi hành cùng một chức vụ như nhau. Khi thi hành việc phụng tự, sự khác biệt về chức vụ được biểu lộ ra bề ngoài nhờ sự khác biệt về phẩm phục. Do đó phẩm phục là dấu chỉ của mọi thừa tác viên. Hơn nữa, phẩm phục thánh làm tăng vẻ trang trọng của chính nghi lễ phụng vụ.

Nếu linh mục phải mặc áo dài trắng, áo lễ và đeo dây các phép trong Thánh lễ, chính chỉ vì muốn cho mọi người biết rằng linh mục nói và hành động không phải với danh nghĩa cá nhân của mình, nhưng là nhân danh Đức Giê-su Ki-tô.

7. Đây là ý nghĩa của màu sắc các phẩm phục Phụng vụ?

Mỗi màu sắc mang một ý nghĩa:

Màu tím, màu của sự ăn năn, thống hối và của sự mong đợi, được dùng trong Mùa Chay và Mùa Vọng. Người ta cũng dùng màu tím trong Thánh lễ và các nghi thức phụng vụ cầu cho những kẻ đã qua đời (trước Công đồng Vatican II, dùng màu đen).

Màu đỏ là màu máu và lửa, được dùng trong Chúa Nhật Thương Khó (Lễ Lá), Thứ Sáu Tuần Thánh, Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, trong các cử hành cuộc thương khó của Chúa, trong lễ kính các thánh Tông đồ, các Thánh sử Tin Mừng và trong các lễ kính các Thánh Tử đạo.

Màu trắng (có thể được thay thế bằng màu vàng) gọi lên sự trong sạch, tinh tuyền, nhất là vinh quang của Thiên Chúa, được dành cho các nghi thức Phụng vụ và các Thánh lễ Mùa Phục Sinh và Mùa Giáng Sinh; cũng dùng trong các lễ kính, lễ nhớ về Chúa không phải là lễ kính nhớ cuộc thương khó của Người; các lễ kính Đức Mẹ, các thiên thần, các thánh không phải là thánh tử đạo. Màu trắng còn diễn đạt sự phục sinh của Chúa Ki-tô cũng như sự phục sinh của chúng ta sau này. Nơi bàn tiệc thiên quốc những người được tuyển chọn đều mặc y phục trắng toát (x. Kh 7, 9).

Màu xanh lá cây được dùng trong các Thánh lễ trong Mùa Thường Niên hoặc Quanh Năm. Màu xanh lá cây là màu của niềm hy vọng và của sự sống. Khi thấy vị linh mục tiến lên bàn thờ trong phẩm phục màu xanh, điều đó cho chúng ta nghĩ rằng chúng ta là những người có niềm hy vọng lớn lao, là đoàn lũ hành đang được Chúa Ki-tô dẫn đến những cánh đồng cỏ xanh tươi của miền đất hứa...

Màu hồng được sử dụng 2 lần trong năm (Chúa Nhật III Mùa Vọng và Chúa Nhật IV Mùa Chay) để mời gọi tín hữu hưởng niềm vui thầm kín và an lành trong niềm trông đợi Đấng Cứu Tinh hoặc trong sự chuẩn bị đón mừng Chúa Ki-tô Phục Sinh.

Tại Việt Nam, màu hồng thường được dùng trong Thánh lễ Hôn phối, trong bầu khí vui tươi, để diễn đạt tình yêu nam nữ, là hình ảnh của tình yêu Chúa Ki-tô với Giáo Hội của Người.

8. Tại sao khi bước vào nhà thờ, người ta làm dấu Thánh giá với nước thánh?

Bình nước thánh đặt nơi cửa nhà thờ mời gọi người tín hữu lấy tay chấm nước thánh và làm dấu Thánh giá để nhắc họ nước của Bí tích Thánh Tẩy.

Trong Đêm Phục Sinh, nghi thức rảy nước thánh đi kèm với việc cộng đoàn lặp lại lời tuyên hứa khi lãnh nhận Bí tích Thánh Tẩy.

Nghi thức an táng cũng dùng nước thánh để nhắc nhở rằng Bí tích Thánh Tẩy mở đường và dẫn đến đời sống vĩnh cửu: những người tham dự được mời rảy nước thánh để tỏ cử chỉ thân thiện và niềm hy vọng.

9. Tại sao Thánh lễ thường bắt đầu bằng một bài hát?

Ca hát là cách diễn tả thông thường của bất cứ lễ hội nào. Và việc gặp gỡ Thiên Chúa luôn luôn là một lễ hội.

Bài hát nhập lễ nhằm xoá tan sự lạnh lùng của mỗi người chúng ta và kết hợp chúng ta thành một cộng đoàn tình thương và sống động.

Hát là dấu chỉ niềm hân hoan trong tâm hồn. Chúng ta hát để diễn tả sự hiệp nhất của cộng đoàn tham dự và để nói lên rằng chúng ta vui sướng được gặp lại nhau, như Thánh vịnh 132 đã biểu lộ:

“Ngọt ngào tốt đẹp lắm thay,
Anh em được sống sum vầy bên nhau!”

Niềm vui này phải được diễn tả cụ thể trong nghi thức đầu tiên của Thánh lễ là sự tập hợp của đoàn dân Chúa.

10. Tại sao linh mục cúi hôn bàn thờ?

Bàn thờ là nơi quan trọng nhất của nhà thờ, là trung tâm điểm của Phụng vụ Thánh Thể.

Sở dĩ bàn thờ được coi là quan trọng, vì đó là nơi Thiên Chúa và con người gặp gỡ, liên kết với nhau, là nơi mà Thiên Chúa đến với loài người và loài người đến với Thiên Chúa. Bàn thờ cũng tượng trưng cho Chúa Ki-tô, mối giao tiếp tuyệt hảo của sự gặp gỡ giữa con

người với Thiên Chúa, bởi vì trong ngôi vị của Chúa Ki-tô, vừa có bản tính Thiên Chúa, vừa có bản tính loài người.

Hơn nữa, Tân Ước xác quyết rằng Chúa Giê-su là “viên đá góc tường” dựa trên đó tất cả được xây dựng (x. Ep 2, 20). Do đó, bàn thờ bằng đá hoặc chứa đựng một viên đá trên đó biểu tượng cho Chúa Ki-tô.

Đối với người Do Thái, bàn thờ vừa là nơi tế lễ, vừa là chỗ thiết tiệc, là nơi mà con cái Thiên Chúa được nuôi dưỡng và giải khát.

Nếu bàn thờ có ý nghĩa phong phú như thế, bạn đừng lấy làm lạ khi thấy vị linh mục cúi hôn bàn thờ lúc bắt đầu Thánh lễ. Đó là cử chỉ tôn kính đối với Chúa Ki-tô và đối với hy lễ của Người.

11. Dấu Thánh giá mang ý nghĩa gì?

“Nhân danh Chúa Cha, và Chúa Con, và Chúa Thánh Thần. Amen”. Thánh lễ bắt đầu bằng dấu Thánh giá, là một trong những dấu hiệu Ki-tô giáo cổ xưa nhất, và là dấu hiệu tuyệt hảo của người Ki-tô hữu.

Khi làm dấu Thánh giá, chúng ta nhận biết mình thuộc về Chúa Ki-tô, bày tỏ niềm tin của chúng ta vào Chúa Ki-tô đã chết trên Thánh giá vì chúng ta, chúng ta nói lên lòng ước muốn đón nhận sự phong phú khôn lường của Thánh giá và ước muốn liên kết đời sống chúng ta với đời sống của Chúa Ki-tô chết trên Thánh giá. Vậy, Thánh giá quả là dấu chỉ sự cứu độ, sự cứu chuộc và sự phục sinh. Dấu Thánh giá còn nhắc chúng ta về Bí tích Thánh Tẩy của mình, bởi chúng ta đã được rửa tội “nhân danh Chúa Cha, và Chúa Con và Chúa Thánh Thần”.

Dấu Thánh giá là biểu thức của chính đức tin Ki-tô giáo, đó là sự hiện hữu của Thiên Chúa tình yêu được mạc khải bởi đời sống của Chúa Ki-tô. Do đó, người ta hiểu tại sao các Ki-tô hữu thường làm dấu Thánh giá và luôn luôn bắt đầu một nghi thức Phụng vụ bằng dấu Thánh giá.

12. Amen nghĩa là gì?

Trong Thánh lễ, nhiều lần bạn đáp Amen sau những lời nguyện mà linh mục chủ tế thay mặt cộng đoàn tuyên đọc. Ví dụ:

– “Xin Thiên Chúa toàn năng thương xót, tha tội, và dẫn đưa chúng ta đến sự sống muôn đời. – Amen”.

– “... đến muôn thuở muôn đời. – Amen”.

Amen là một chữ Do Thái. Các tín hữu thời Cựu Ước thường dùng Amen để kết thúc lời cầu nguyện của họ. Chúa Ki-tô cũng đã sử dụng, không những lúc Người cầu nguyện, mà còn cả trong lúc giảng dạy để nhấn mạnh, làm nổi bật chân lý Người nói: “Amen – Thật – Ta bảo thật các ngươi...” Chúng ta thường gặp ngôn thức này trong Tin Mừng.

Trước kia, sau các lời nguyện, người ta thưa “Ước gì được như vậy”. Bây giờ người ta thích dùng chữ Amen hơn, vì ước gì được như vậy không thể diễn tả hết được sự phong phú của chữ Amen.

Khi thưa Amen, người ta không chỉ bày tỏ ước muốn được như vậy, mà còn xác nhận một điều chắc chắn. Đó là trường hợp khi vị linh mục công bố: “Minh Thánh Chúa Ki-tô”, và tín hữu thưa: “Amen”. Chữ Amen ở đây có nghĩa “Vâng! Tôi xác tín Chúa Ki-tô đến ngự trong tôi dưới hình bánh này”. Đó là một điều chắc chắn!

Khi bạn thưa Amen sau lời nguyện của linh mục chủ tế, điều đó không chỉ có nghĩa là ước muốn những lời cầu nguyện đó được chấp nhận, nhưng còn nói lên rằng: lời nguyện đó cũng là lời nguyện của chính bạn, và bạn muốn tháp nhập vào đó với hết tâm tình.

Hơn thế nữa, Amen diễn đạt đức tin của toàn cộng đoàn vào sự trung tín của Chúa. Người sẽ nhậm lời những gì cộng đoàn cầu xin với niềm tin tưởng. Bởi vì căn gốc của chữ Do Thái này có ý nghĩa sự trung thành, trung tín. Như thế, khi thưa Amen, chúng ta tung hô sự trung tín của Chúa, như lời Thánh Phao-lô: “Xin Thiên Chúa là Đấng trung tín chứng giám cho rằng lời nói của chúng tôi đối với anh em, không phải là vừa ‘Có’ lại vừa ‘Không’. Quả thế, Con Thiên Chúa là Đức Giê-su Ki-tô, Đấng mà chúng tôi đã rao giảng nơi anh em, [...], nơi Người chỉ là ‘Có’ mà thôi. Bởi chưng bao nhiêu lời hứa của Thiên Chúa đã thành ‘Có’ ở nơi Người. Vì thế, nhờ Người mà chúng tôi hô lên lời ‘Amen’ tôn vinh Thiên Chúa” (2 Cr 1, 18-20).

13. Tại sao, sau Công đồng Vatican II, linh mục chủ tế lại đứng đối diện với cộng đoàn?

Đây là một trong những cái cách phụng vụ thấy rõ nhất của Công đồng Vatican II.

Thời thượng cổ, hầu hết các nhà thờ được xây hướng về phía đông, hướng mặt trời mọc, nơi tượng trưng cho sự Sống Lại. Hướng về phía đông khi cầu nguyện là một cách muốn cho hiểu rằng cộng đoàn cùng với linh mục chủ tế ngỏ lời với Chúa Ki-tô Phục Sinh.

Chúng ta cũng biết rằng người Do Thái hướng về thành Giê-ru-sa-lem khi cầu nguyện, và người Hồi giáo hướng về thành La Mecque.

Sau Công đồng Vatican II, linh mục chủ tế không quay lưng về phía cộng đoàn như theo truyền thống nữa, mà quay mặt về cộng đoàn trong suốt Thánh lễ. Thông thường, chúng ta đối diện với người nào đó khi nói chuyện. Do đó, thật là hợp lý khi linh mục chủ tế hướng về cộng đoàn: chào đầu lễ, bài giảng... Khi linh mục công bố Tin Mừng, chính là Chúa Ki-tô nói với dân Người.

Nhưng khi cầu nguyện thì sao? Khi cầu nguyện, tất cả cùng thưa với Chúa. Do đó, chúng ta sẽ khó hiểu hơn khi thấy linh mục đứng đối diện với cộng đoàn. Thật ra, bàn thờ được đặt giữa linh mục và cộng đoàn. Sự sắp đặt vị trí như thế có nghĩa là: Chúa không ở trước mặt chúng ta, nhưng ở giữa chúng ta, như lời hứa của Chúa Ki-tô: “Ở đâu có hai, ba người họp lại nhân danh Thầy, thì có Thầy ở giữa họ” (Mt 18, 20). Thánh Phao-lô có nói: “Đức Ki-tô ở giữa anh em, Người là niềm hy vọng vinh quang!” (Cl 1, 27).

14. Các bài đọc được chọn lựa như thế nào?

◦ Trong Thánh lễ Chúa Nhật, có 3 bài đọc: Bài đọc I trích từ Cựu Ước (trừ Mùa Phục Sinh, vì từ Chúa Nhật Phục Sinh cho đến Chúa nhật Chúa Thánh Thần hiện xuống, chúng ta nghe đọc sách Tông Đồ Công Vụ); Bài đọc II thường là một đoạn thư của Thánh Phao-lô hay của một Tông Đồ khác; còn Bài đọc III thì luôn luôn là một đoạn Tin Mừng (Phúc Âm).

Các bài đọc Cựu Ước kể cho chúng ta nghe công trình của Thiên Chúa trước khi Chúa Ki-tô giáng trần. Bài Tin Mừng thuật lại các việc làm, cử chỉ và giáo huấn của Chúa Giê-su. Còn Bài đọc II cho chúng ta biết tư tưởng và đời sống của các Ki-tô hữu tiên khởi.

Trong Thánh lễ các ngày Chúa Nhật Mùa Vọng, Mùa Chay và Mùa Phục Sinh, cũng như các ngày lễ trọng (Giáng Sinh, Chúa Thánh Thần Hiện Xuống...), cả ba bài đọc đều có mối liên hệ chặt chẽ với nhau về tư tưởng. Một sứ điệp được công bố dưới 3 khía cạnh khác nhau.

Còn vào các ngày Chúa Nhật khác mà ta gọi là Chúa Nhật Thường Niên hay Quanh Năm, Bài đọc I được chọn hợp với ý nghĩa của Bài Tin Mừng. Mục đích để làm nổi bật sự hợp nhất của Cựu Ước và Tân Ước, của lịch sử cứu độ mà Chúa Ki-tô là trung tâm. Nếu có liên hệ tư tưởng với Bài đọc II, thì chỉ là tình cờ mà thôi, vì Bài đọc II theo một chu kỳ riêng biệt.

Các bài đọc được sắp xếp không theo thứ tự thời gian, nhưng theo ý nghĩa thần học và có tính cách sư phạm: trước tiên chúng ta nghe chứng từ của các bậc tiền bối trước thời Chúa Giê-su (bài đọc Cựu Ước); kế tiếp, chứng từ của các vị đã tiếp nhận sự mạc khải của Chúa Ki-tô Phục Sinh (bài đọc Tân Ước); và sau cùng là lời của chính Chúa Ki-tô (Tin Mừng).

Trước Công đồng Vatican II, chỉ có hai bài đọc và được lặp lại mỗi năm. Bây giờ, trong mỗi Thánh lễ Chúa Nhật, chúng ta có ba bài đọc, được đọc lại sau một chu kỳ 3 năm có tên năm A, năm B, năm C. Năm A đọc Tin Mừng theo Thánh Mát-thêu; năm B, Thánh Mar-cô; năm C, Thánh Luca; còn Tin Mừng theo Thánh Gioan được đọc mỗi năm trong Mùa Chay và Mùa Phục Sinh. Như vậy, Giáo Hội cho đọc nhiều bài Thánh Kinh hơn trước rất nhiều. Chúng ta có thể nghe gần như trọn vẹn sách Tin Mừng.

° Thánh lễ trong tuần chỉ có hai bài đọc: Bài đọc I trích từ Cựu Ước hoặc Tân Ước (trừ Tin Mừng), Bài đọc II luôn là một đoạn Tin Mừng, được phân phối như sau: trong các tuần 1-9 Quanh Năm, đọc Tin Mừng theo Thánh Mar-cô; trong các tuần 10-21, theo Thánh Mát-thêu; và trong các tuần 22-34, theo Thánh Luca. Trong các Mùa khác, Bài Tin Mừng được chọn theo tính chất đặc biệt của mỗi Mùa.

Trong Mùa Thường Niên, Bài đọc I có chu kỳ 2 năm (năm chẵn và năm lẻ), Bài đọc II (Tin Mừng) có chu kỳ 1 năm. Các Mùa khác, Bài đọc I và II đều có chu kỳ 1 năm.

15. Bài Thánh vịnh có vai trò gì?

Bài Thánh vịnh (hoặc bài thánh ca trích trong Kinh Thánh) được chọn theo ý tưởng của bài đọc I. Đó là sự đáp lại của cộng đoàn đối với Lời Chúa mà cộng đoàn vừa nghe (vì thế có tên là Đáp ca hay Thánh vịnh đáp ca), như là lời đáp lại với chính Thiên Chúa vừa phán dạy trong Bài đọc I.

Thông thường, Thánh vịnh, và đặc biệt là câu đáp của Thánh vịnh, lặp lại một lời, một ý nào đó vừa được công bố. Ví dụ, nếu Bài đọc I mời gọi lắng nghe tiếng Chúa và thực hành những giáo huấn của Người, thì hầu như như câu đáp của Thánh vịnh sẽ là: “Lạy Chúa, Lời Ngài là chân lý, và luật Ngài là sự giải thoát cho chúng con”.

16. Tại sao phải đứng lên khi nghe công bố Tin Mừng?

Trong Thánh lễ, cộng đoàn ngồi khi nghe đọc hai bài Sách Thánh đầu tiên cũng như khi hát hoặc đọc Thánh vịnh. Nhưng chúng ta đứng lên khi nghe công bố Tin Mừng, vì là bài đọc quan trọng hơn cả.

Các bài Tin Mừng chứa đựng chính lời của Chúa Giê-su. Khi linh mục đọc Tin Mừng trong Thánh lễ, chính Chúa Ki-tô đang hiện diện và nói với chúng ta. Tin Mừng thuật lại các việc và hành động của Chúa Giê-su. Do đó, khi nghe công bố Tin Mừng, chúng ta đứng lên để tỏ lòng tôn kính Chúa Giê-su, tôn kính những giáo huấn của Người, cũng như mọi việc Người làm.

17. Tại sao phải làm tới 3 dấu Thánh giá trước khi nghe Tin Mừng?

Khi linh mục loan báo sẽ đọc bài Tin Mừng nào đó (Tin Mừng Chúa Giê-su Ki-tô theo Thánh Mát-thêu, Thánh Mar-cô, Thánh Luca hay Thánh Gioan), chúng ta tuân tự làm một dấu Thánh giá trên trán, một trên môi miệng và một trên ngực. Tập tục này có từ thế kỷ XI và mang nhiều ý nghĩa phong phú.

Làm 3 dấu Thánh giá như thế để xin Chúa ban ơn và chúc lành cho chúng ta.

Qua dấu Thánh giá trên trán, trên môi và trên ngực, chúng ta cầu xin cho lời Tin Mừng, mà chúng ta sắp nghe, thấm nhập trọn vẹn trong con người, bám rễ sâu trong trí khôn và trong tâm hồn của chúng ta. Chúng ta cũng xin cho trí tuệ của mình được soi sáng để thông hiểu Lời Chúa và cho tâm hồn được sưởi ấm để đón nhận Tin Mừng.

Khi làm 3 dấu Thánh giá, chúng ta có thể đọc thầm lời nguyện như sau: “Xin Lời Chúa mở rộng lòng trí con, cho miệng lưỡi con biết công bố Lời Ngài, cho con biết giữ Lời Ngài trong tâm hồn con và thực thi Lời Ngài”.

18. Tại sao đọc Kinh Tin Kính?

Trong Thánh lễ, một trong những giây phút liên hệ chặt chẽ với Lời Chúa, đó là lúc đọc Kinh Tin Kính hay lời tuyên xưng đức tin. Kinh Tin Kính được đọc trong các lễ Chúa Nhật và Lễ Trọng như là sự chấp nhận và đáp lại Lời Chúa mà giáo dân đã nghe trong các bài đọc và bài giảng.

Kinh Tin Kính tóm tắt tất cả các điều căn bản của đức tin Ki-tô giáo. Đọc Kinh Tin Kính là dấu chỉ nhìn nhận đức tin của mọi Ki-tô hữu.

19. Đây là ý nghĩa của lời nguyện tín hữu?

Tiếp sau phần Tuyên xưng Đức tin là phần lời nguyện tín hữu, hay trước đây thường gọi là lời nguyện giáo dân.

Cộng đoàn dâng lên Thiên Chúa những lời cầu xin, khẩn nguyện, kêu van và tạ ơn không những cho Giáo Hội, cho cộng đoàn và cho những người tham dự Thánh lễ, mà còn cho tất cả mọi người, như lời khuyên của Thánh Phao-lô (x. 1 Tm 2, 1).

Trong lời nguyện tín hữu, chúng ta để con tim chúng ta cùng rung nhịp đập với mọi thụ tạo, với mọi chiều kích của vũ trụ, biết thông cảm với những khổ đau, lao nhọc, với những niềm hy vọng của mọi người trên trái đất này.

Lời nguyện tín hữu phải ôm trọn toàn thể giới trong vòng tay của mình và khấn cầu Thiên Chúa đo ơn dồi dào trên các tạo vật của Người.

20. Quyên tiền có phải là nghi thức thừa thãi không?

Một số người không thích quyên tiền trong các Thánh lễ Chúa Nhật, vì việc ấy làm chia trí trong lúc cầu nguyện. Phải chăng đó là hành vi quá vật chất và trần tục trong khung cảnh hoàn toàn thiêng liêng?

Quyên tiền là một nghi thức rất cổ xưa và là sự tổng hợp của 2 cách thực hành đã có từ buổi đầu của Ki-tô giáo:

° Một đàn, các tín hữu đem bánh và rượu đến để dâng Thánh lễ. Các lễ vật này được rước kiệu lên bàn thờ, được chủ tế đón nhận để dâng lên Thiên Chúa. Đó là nguồn gốc của phần Dâng lễ và Lời nguyện Tiến lễ (lời nguyện trên lễ vật). Từ thế kỷ IX, vì việc nhận lễ vật bằng tiền mặt có vẻ tiện lợi hơn, nên việc rước kiệu lễ vật được thay thế bằng việc quyên tiền. Việc quyên tiền này trong Thánh lễ là dấu chỉ sự tham dự tích cực của mọi tín hữu vào Thánh lễ cũng như lễ vật của mỗi người. Nghi thức kiệu lễ vật trong Thánh lễ hiện vẫn còn được thực hiện tại một vài miền và vào các dịp lễ lớn, giữ lại dấu vết của tục lệ cổ xưa này.

° Đàn khác, tình liên đới giữa các phần tử trong cộng đoàn Ki-tô được cổ vũ ngay từ thời sơ khai để cung cấp cho những nhu cầu của Giáo Hội và của người nghèo.

Do đó, việc quyên tiền trong Thánh lễ là một trong những phương cách thể hiện lòng biết ơn đối với Thiên Chúa và tình liên đới với tha nhân.

21. Tại sao chủ tế đổ ít nước vào rượu?

Ngày xưa, tại các xứ vùng biển Địa Trung Hải, người ta có thói quen pha một chút nước vào rượu, thường nặng và gắt.

Vào Bữa Tiệc Ly (bữa ăn cuối cùng của Chúa Giê-su với các môn đệ trước khi chịu tử nạn), phải chăng Chúa Giê-su đã pha chút nước vào rượu nho? Có thể như vậy, tuy không có một tài liệu nào xác quyết việc này cả. Nhưng từ thế kỷ II, người ta có thể xác định chắc chắn có việc pha nước vào rượu trong Thánh lễ.

Nghi thức này có ý nghĩa rất hay: đó là dấu chỉ mối liên quan chặt chẽ giữa thần tính và nhân tính trong Chúa Ki-tô; đồng thời, là sự liên kết chặt chẽ của chúng ta (tượng trưng bởi nước) với Chúa Ki-tô (rượu nho) làm thành lễ vật dâng trong Thánh lễ. Chúa Ki-tô không tự hiến tế một mình, nhưng liên kết với Giáo Hội mà chính Người là đầu.

Ý nghĩa phong phú của các biểu tượng này được thể hiện trong lời cầu nguyện của vị chủ tế khi pha chút nước vào rượu nho: “Cũng như giọt nước này hòa chung với rượu, xin cho chúng con được thông phần bản tính Thiên Chúa của Đấng đã đoái thương chia sẻ thân phận làm người với chúng con”.

22. Cử hành Thánh lễ với loại rượu nho nào?

Quy luật duy nhất là dâng Thánh lễ với rượu nho tự nhiên và nguyên chất, nghĩa là không pha trộn với chất nào khác. Tại nhiều xứ không trồng nho được, người ta sử dụng rượu nho tự nhiên có nồng độ hơi cao một tí, như rượu Porto chẳng hạn, để có thể giữ được lâu.

Trước thế kỷ XVI, người ta thường dùng rượu nho đỏ (hiện nay, phụng vụ theo truyền thống Byzance, bên Đông phương, vẫn còn duy trì tập tục này). Vào thế kỷ XVI tại Tây phương, khi người ta bắt đầu dùng khăn lau để tráng chén lễ, người ta thích dùng rượu nho trắng hơn để dâng lễ vì ít để vết.

23. Tại sao chủ tế lại rửa tay cuối phần Dâng lễ?

Dù không được coi là quan trọng trong Thánh lễ, nghi thức này không thiếu ý nghĩa sâu sắc.

Rửa tay trước khi làm một việc gì cần sự sạch sẽ đặc biệt, đó là chuyện tự nhiên. Vì thế, bạn không nên ngạc nhiên khi thấy vị chủ tế rửa tay, để chuẩn bị cầm bánh và rượu sẽ được truyền phép để trở nên Mình và Máu Chúa Ki-tô.

Nghi thức rửa tay đã có từ thế kỷ IV. Vào thời kỳ này, người ta còn đem đến cho vị chủ tế không những bánh và rượu để được truyền phép, mà cả những sản phẩm cần dùng khác để các thầy phó tế phân phát cho người nghèo sau Thánh lễ.

Hơn nữa, việc rửa tay cũng cần thiết sau khi chủ tế xông hương lễ phẩm và bàn thờ (nghi thức xông hương muốn nói lên rằng lễ phẩm và lời cầu nguyện của Giáo Hội cũng ví như hương trầm bay lên trước nhan thánh Chúa).

Tuy nhiên, ngay từ đầu, nghi thức rửa tay luôn có một ý nghĩa thiêng liêng, đó là dấu hiệu của việc thanh tẩy trong tâm hồn, vì nước là dấu chỉ của sự thanh tẩy.

Khi rửa tay, vị chủ tế đọc lời Thánh vịnh 50, câu 4: “Lạy Chúa, xin rửa con sạch hết lỗi lầm, tội con đã phạm, xin Ngài thanh tẩy”.

Cho dù mọi tín hữu có thể thông dự vào việc thanh tẩy này, nghi thức rửa tay chỉ dành riêng cho chủ tế, vì người ta hiểu rằng, trong chốc lát, vị chủ tế sẽ hành tác nhân danh Chúa Ki-tô.

24. Kinh Tạ Ôn là gì?

Kinh Tạ Ôn (trước đây gọi là Kinh nguyện Thánh Thể) là kinh nguyện quan trọng nhất trong Thánh lễ. Đó là trung tâm điểm của Bí tích Thánh Thể. Không có Kinh Tạ Ôn thì không có Thánh lễ.

Trong Bữa Tiệc Ly, Chúa Giê-su cầm lấy bánh và dâng lời tạ ơn, nghĩa là Người đọc Kinh Tạ Ôn (x. Lc 22, 19).

Kinh Tạ Ôn khởi đầu bằng lời mời cộng đoàn hướng tâm hồn lên để cầu nguyện và tạ ơn Thiên Chúa:

- ° Chúa ở cùng anh chị em. – Và ở cùng cha.
- ° Hãy nâng tâm hồn lên. – Chúng con đang hướng về Chúa.
- ° Hãy tạ ơn Chúa là Thiên Chúa chúng ta. – Thật là chính đáng.

“Hãy tạ ơn Chúa.” Đó là lời quan trọng nhất. Tạ ơn Chúa là mục đích chính của Thánh lễ. Tham dự Thánh lễ là tạ ơn Chúa cả trời đất vì bao kỳ công của Người hôm qua, hôm nay và ngày mai. Kinh Tạ Ôn luôn luôn ngỏ lời với Chúa Cha.

Cấu trúc Kinh Tạ Ôn:

Chúng ta dừng lại ít phút để khảo sát kỹ lưỡng và để hiểu rõ cấu trúc của Kinh Tạ Ôn. Để tham khảo, tôi đề nghị bạn tìm đọc Kinh Tạ Ôn II trong cuốn sách lễ nào đó. Sau đây là cấu trúc:

1. **Đôi thoại mở đầu:** đôi thoại giữa vị chủ tế và cộng đoàn, mà chúng ta vừa nêu ở trên, nhằm mời gọi tâm tình tạ ơn.
2. **Lời Tiên Tụng:** linh mục chủ tế nhân danh toàn thể cộng đoàn tán tụng Chúa Cha và cảm tạ Người về tất cả công trình cứu chuộc cho nhân loại, hoặc về lý do nào đặc biệt, tùy ngày, tùy lễ, tùy mùa khác nhau. Lời Tiên Tụng cũng làm nổi bật công trình cứu chuộc của Chúa Ki-tô.

3. **Kinh “Thánh! Thánh! Chí Thánh!”**: toàn thể cộng đoàn, hợp với các thần thánh trên trời, hát hay đọc “Thánh! Thánh! Chí Thánh!” Đây là lời tung hô, thờ lạy, tạ ơn và vinh danh Chúa Cha.

4. **Kinh khẩn cầu**: xin Chúa Cha, nhờ tác động của Chúa Thánh Thần, dùng quyền năng để thánh hiến bánh và rượu, nghĩa là làm trở thành Mình và Máu Chúa Ki-tô.

5. **Lời truyền Phép**: linh mục nhân danh Chúa Ki-tô đọc lại những lời Người đã nói trong Bữa Tiệc Ly. Chính Chúa Ki-tô đã thiết lập Bí tích Thánh Thể trong bữa tối sau cùng này, ban cho các Tông đồ Mình và Máu Người, dưới hình bánh và hình rượu, để ăn và uống, và truyền cho các ông phải làm cho mầu nhiệm này tồn tại mãi.

6. **Kinh tưởng niệm**: sau lời truyền phép, Giáo Hội tưởng niệm toàn bộ công trình cứu chuộc của Chúa Ki-tô, nhất là việc tưởng niệm cuộc khổ hình, phục sinh, lên trời của Người, và loan báo ngày Người sẽ trở lại. Kinh tưởng niệm được bắt đầu bằng lời tung hô của cộng đoàn: “Lạy Chúa, chúng con loan truyền Chúa đã chịu chết...”

7. **Kinh khẩn cầu (2)**: xin Chúa Cha, nhờ tác động của Chúa Thánh Thần, để sau khi lãnh nhận Mình và Máu Chúa Ki-tô, các tín hữu được lãnh nhận ơn cứu độ và được hiệp nhất trong Hội Thánh, là thân thể sống động của Chúa Ki-tô.

8. **Lời chuyển cầu**: sau kinh khẩn cầu là một loạt các lời cầu xin, cho Giáo Hội, cho mọi người trong cộng đoàn, cho kẻ sống cũng như đã qua đời, v.v. trong niềm hiệp thông với các thánh.

9. **Vinh tụng ca**: cuối Kinh Tạ Ôn, một lần nữa linh mục dâng lời tôn vinh Chúa Cha, qua Chúa Con và trong Chúa Thánh Thần.

10. **Amen!** Toàn thể cộng đoàn kết thúc kinh Tạ Ôn bằng cách xướng hoặc hát Amen! Có nghĩa là cộng đoàn tán đồng với tất cả những điều vừa được đọc trong Kinh Tạ Ôn.

Như thế, Thánh lễ, nhất là trong Kinh Tạ Ôn, trở thành tổng hợp và khuôn mẫu cho mọi lời nguyện Ki-tô giáo, dưới mọi khía cạnh, cho mọi nhu cầu, bắt đầu bằng lời tụng ca và lời tạ ơn lên Thiên Chúa đã ban cho chúng ta biết bao ơn lành. Thực sự, chẳng phải chúng ta xứng đáng lãnh nhận những hồng ân đó, nhưng vì Thiên Chúa đã thương yêu chúng ta trước tiên.

25. Tại sao chỉ có một mình linh mục đọc Kinh Tạ Ôn?

Kinh Tạ Ôn không phải là kinh nguyện của một mình linh mục, nhưng là của toàn thể cộng đoàn. Bằng Chứng là, khi đọc kinh Tạ Ôn, linh mục không dùng chữ “con” nhưng là “chúng con”. Ví dụ trong Kinh Tạ Ôn II, ta thấy những câu như sau:

- “Vì thế, chúng con xin Cha đở ơn Thánh Thần xuống mà thánh hoá của lễ này...”
- “Giờ đây tưởng nhớ... chúng con dâng lên Cha bánh trường sinh và chén cứu độ này...”
- “Sau hết, xin Cha rộng lòng thương xót cho tất cả chúng con...”

Vị linh mục không tách rời với cộng đoàn; ngài liên kết với cộng đoàn và nhân danh cộng đoàn mà cầu nguyện. Dĩ nhiên, có lúc linh mục phát biểu nhân danh Chúa Ki-tô: đó là lúc ngài đọc lời truyền phép Thánh Thể. Nhưng hầu hết, ngài phát biểu nhân danh cộng đoàn.

Như thế, tất cả cộng đoàn tạ ơn Thiên Chúa, khẩn cầu Chúa Thánh Thần, cả cộng đoàn dâng lời cầu xin lên Chúa Cha. Do đó nếu nói rằng Kinh Tạ Ôn là việc dành riêng cho linh mục mà thôi thì không đúng tí nào. Tuy một mình linh mục đọc hầu hết Kinh Tạ Ôn, nhưng ngài nhân danh mọi người mà làm. Kinh nguyện này không phải là kinh cá nhân của linh mục nhưng là kinh nguyện chung của toàn cộng đoàn. Lời thưa “Amen” của cộng đoàn diễn tả điều đó (đã đề cập ở câu hỏi trước).

26. Chúc bình an, một hành vi xã giao mà thôi?

Khi vị chủ tế chúc: “Bình an của Chúa hằng ở cùng anh chị em”, cộng đoàn thưa: “Và ở cùng cha”.

Và chủ tế nói thêm: “Anh chị em hãy chúc bình an cho nhau”. Bạn đừng nghĩ rằng việc chúc bình an ở đây cũng giống như việc thân hữu ngoài đời trao tặng cho nhau. Không, đây là một sự hòa giải. Thật vậy, trong Bài giảng trên núi, Chúa Giê-su nói rõ rằng trước khi thực hiện mọi hành vi phụng tự, cần phải làm hòa với anh chị em mình trước đã: “Nếu người đang dâng của lễ nơi bàn thờ mà sự nhớ người anh em đang có điều bất bình với người, thì người hãy để của lễ lại trước bàn thờ, đi làm hoà với người anh em người trước đã, rồi hãy trở lại dâng của lễ” (Mt 5, 23-24). Do đó, trong Phụng vụ Đông phương, nghi thức chúc bình an vẫn còn được đặt trước Kinh Tạ Ôn, cũng như tại Tây phương trong thời gian đầu. Việc thực hành nghi thức chúc bình an đã biến mất từ nhiều thế kỷ nay. Sau Công đồng Vatican II, nghi thức này lại được lồng vào trong Thánh lễ. Một số người không thích cho lắm, vì họ nghĩ rằng: ngoài các cử chỉ, di động phiến toái, lại còn thiếu sự thân mật giữa các tín hữu đang tham dự Thánh lễ.

Thật ra, nghi thức chúc bình an trước tiên có một ý nghĩa thiêng liêng. Thánh lễ là nơi mà tất cả tín hữu khám phá và nhận ra mình là con cái của cùng một Cha, do đó tất cả là anh

chị em với nhau. Nói lên điều đó không thôi thì chưa đủ, cần phải được thể hiện cụ thể. Cử chỉ chúc và trao bình an là một trong những dấu hiệu đẹp nhất, qua đó chúng ta biểu lộ rằng chúng ta là con cùng một Cha.

Nhưng đôi khi việc chúc bình an đòi hỏi một sự cố gắng lớn, bởi vì cử chỉ này đòi hỏi mỗi người ra khỏi cái tôi chật hẹp của mình và coi người khác như là người mà ta phải tôn trọng và yêu thương. Trong một vài trường hợp, để chúc bình an một cách thật lòng, chúng ta cần phải tha thứ trong lòng trước đã, người mà chúng ta sắp đưa tay chúc bình an. Việc này không dễ dàng gì!

Việc chúc bình an được đặt trước phần rước lễ. Điều đó bình thường thôi, bởi vì làm sao chúng ta có thể đến gần Chúa Ki-tô và nói rằng chúng ta yêu mến Người, trong khi chúng ta từ chối hướng mặt về người anh chị em đang ở bên cạnh chúng ta? “Kẻ nào không yêu mến anh chị em mà mình xem thấy, thì không thể yêu mến Thiên Chúa mà mình không xem thấy được” (1 Ga 4, 20).

Như thế, chia sẻ với người bên cạnh một nắm tay, hôn bình an hoặc cúi đầu chúc bình an (tùy theo phong tục của mỗi dân tộc) không phải là cử chỉ xã giao, lịch sự, mà là dấu chỉ hiệp thông trong sự bình an và tình yêu thương nhau. Và sự bình an này do Chúa Ki-tô ban tặng (“Bình an của Chúa hằng ở cùng anh chị em”). Thật vậy, Chúa Ki-tô đã phán: “Thầy để lại bình an cho các con, Thầy ban bình an của Thầy cho các con. Thầy ban cho các con không như thế gian ban tặng” (Ga 14, 27). Do đó, sự bình an này rộng lớn hơn những gì con tim chúng ta có thể chứa đựng được, cũng như rộng lớn hơn những gì bàn tay chúng ta có thể truyền đạt được.

27. Nghi thức bẻ bánh có ý nghĩa gì?

Nghi thức bẻ bánh lặp lại cử chỉ của Chúa Ki-tô trong Bữa Tiệc Ly: “Người cầm lấy bánh, bẻ ra và trao cho các môn đệ”. Vào thời các Tông đồ, Thánh lễ được gọi là việc “bẻ bánh”. Thánh Phao-lô giải thích: “Tám bánh mà chúng ta bẻ ra chẳng phải là thông phần vào Mình Chúa đó sao? Vì có một tấm bánh, nên chúng ta tuy nhiều người, chúng ta cũng chỉ là một thân thể, vì hết thảy chúng ta thông phần vào một tấm bánh” (1 Cr 10, 16-17).

Cử chỉ bẻ bánh thể hiện rõ ràng giá trị và tầm quan trọng của dấu hiệu hiệp nhất của mọi người trong cùng một tấm bánh, và của dấu hiệu yêu thương trong việc mọi người cùng chia với nhau tấm bánh duy nhất.

Trước đó, Kinh Tạ Ơn đã nhấn mạnh điều này khi bày tỏ lời nguyện sau: “Chúng con cúi xin Cha cho Thánh Thần liên kết chúng con nên một khi chúng con dự tiệc Mình và Máu Đức Ki-tô” (Kinh Tạ Ơn II). Chúng ta không thể tăng triển trong sự hiệp nhất với Chúa Ki-tô nếu chúng ta không cùng một lúc tăng triển trong sự hiệp nhất huynh đệ.

Ngày xưa, nghi thức bẻ bánh chiếm nhiều thời gian vì phải chia sẻ Bánh Thánh cho tất cả cộng đoàn. Ngày nay, vì những lý do mục vụ (số người rước lễ đông chẳng hạn), người ta thường sử dụng những bánh lễ nhỏ cho giáo dân và một bánh lễ lớn cho linh mục. Ngài chỉ bẻ bánh lớn này mà thôi. Do đó, nghi thức bẻ bánh có thể khó nhận ra được, nhưng vẫn luôn giữ được ý nghĩa sâu sắc của nó.

28. Tại sao chủ tế bỏ một miếng bánh thánh nhỏ vào chén thánh?

Sau khi bẻ bánh thánh, ngay trước lúc rước lễ, linh mục bỏ một mẩu bánh thánh nhỏ vào trong chén thánh.

Sách lễ không giải thích nghi thức này, có lẽ do không thấy sự cần thiết hoặc do không chắc chắn về ý nghĩa của nó. Tuy nhiên, Giáo Hội vẫn giữ lại nghi thức ấy vì muốn trung thành với truyền thống. Có hai cách giải thích:

1. Nghi thức này có thể liên quan đến thời gian đầu của Giáo Hội. Các mẩu bánh thánh trong Thánh lễ của Đức Giáo hoàng được phân chia cho các cha xứ tại các nhà thờ nội thành Rô-ma. Những vị này không thể đến dự lễ Đức Giáo hoàng cử hành vì phải dâng lễ cho giáo dân. Việc chia bánh thánh này muốn diễn tả sự hợp nhất của linh mục đoàn thành Rô-ma với vị giáo hoàng của mình.

2. Cũng có thể cho rằng đây là những bánh thánh được giữ lại để cho những người bệnh và những người hấp hối rước lễ. Người ta thay thế lại mỗi khi bánh thánh trở nên khô cứng, bằng cách nhúng vào rượu thánh cho mềm bớt để chịu lễ cho dễ dàng hơn.

Ngày nay, mặc dù chưa có giải thích chính thức nào, người ta thường nói đến ý nghĩa tượng trưng của bánh thánh và rượu thánh. Giới thiệu Mình và Máu, như Chúa Giê-su đã làm ở Bữa Tiệc Ly, theo não trạng của người Do Thái, là gọi lên sự chết, vì sự sống (tượng trưng bởi máu) không ở trong xác thịt nữa. Do đó, hoà lẫn Mình Thánh và Máu Thánh trong chén thánh để diễn tả rằng Chúa Ki-tô hằng sống, đó là chuyện tự nhiên. Và lại, khi nhìn bánh và rượu trên bàn thờ, chúng ta nghĩ ngay đến bữa ăn, dấu chỉ của sự sống.

Khi bỏ một mẩu bánh thánh nhỏ vào trong chén thánh, chủ tế đọc nhỏ: “Xin Mình và Máu Chúa Giê-su Ki-tô hoà lẫn với nhau mà chúng con sắp lãnh nhận cho chúng con được sống muôn đời”.

29. Tại sao phải dùng bánh không men trong Thánh lễ?

Luật hiện hành của Giáo Hội buộc rằng Thánh lễ phải được cử hành với bánh không men (Giáo Luật, số 926).

Nhưng ngày xưa không hẳn như thế. Vào giữa thế kỷ II, Thánh Justin cho biết là giáo dân đem bánh nướng tại nhà mình đến để dâng trên bàn thờ. Chắc chắn đó là bánh nướng được làm dậy bằng men. Cho tới thế kỷ XI, người ta chấp nhận cả bánh có men lẫn bánh không men để cử hành Thánh lễ. Vào giữa thế kỷ XI, Giáo hội Tây phương có thói quen chỉ dùng bánh không men.

Tại sao bánh có men được thay dần dần bằng bánh không men?

a. Trước tiên, vì theo gương Chúa Ki-tô. Theo các Thánh sử Mát-thêu (26, 17), Mar-cô (14, 12) và Luca (22, 7-8), Bữa Tiệc Ly là tiệc Lễ Vượt Qua, trong đó người ta dùng bánh nướng không men để tưởng nhớ ngày dân Do Thái, vì phải vội vã lên đường trốn ra khỏi Ai Cập, họ không có đủ thời giờ để chờ bột dậy men rồi đem nướng. Dùng bánh không men là cách để nhắc nhở việc ấy.

b. Vào thế kỷ XII, việc tôn kính Thánh Thể trở nên phổ biến và được thực hiện một cách tỉ mỉ. Người ta cố giữ làm sao không cho một mẩu vụn bánh nào rơi xuống đất. Bánh không men được xét là thích hợp hơn để dâng Thánh lễ vì ít bỏ hơn và nhẹ hơn bánh có men. Và lại, với bánh không men, người ta làm được dễ dàng những tấm bánh trắng và đẹp, dấu chỉ sự tinh tuyền của lễ vật chúng ta dâng. Hơn nữa, với bánh không men, người ta dễ làm các bánh nhỏ dành cho giáo dân.

c. Thánh lễ là dấu chỉ của sự hiệp nhất. Do Giáo hội Đông phương vẫn duy trì bánh không men, nên việc chúng ta cũng dùng bánh không men để biểu lộ sự hiệp nhất với các Ki-tô hữu Đông phương.

d. Thánh lễ không phải là bữa tiệc như những bữa tiệc khác. Dùng loại bánh đặc biệt nói lên tính chất đặc thù của bữa tiệc Thánh Thể.

30. Có phải không lên rước lễ vì ta tự xét là không xứng đáng hoặc chưa sẵn sàng chăng?

Ngày xưa, linh mục dâng Thánh lễ bằng tiếng La-tinh và quay lưng lại với giáo dân. Mỗi người tự dọn mình bằng cách đọc thầm kinh dọn chịu lễ trước khi lên rước lễ. Nhưng ngày nay, theo tinh thần canh tân Phụng vụ sau Công đồng Vatican II, toàn bộ Thánh lễ là sự chuẩn bị cho việc rước lễ. Hay nói đúng hơn, toàn bộ Thánh lễ là Hiệp lễ (Rước lễ): từ việc mặc niệm lúc đầu Thánh lễ, nhìn nhận tội lỗi mình, nghe Lời Chúa qua các bài đọc, lời nguyện giáo dân, thông dự vào Kinh Tạ Ơn, đọc Kinh Lạy Cha. Tất cả đều nhằm khai triển hành động của Chúa Ki-tô, Đấng làm cho chúng ta trở nên thân thể của Người.

Trong Kinh Tạ Ôn, sau khi bánh, rượu đã được thánh hiến, chúng ta xin Chúa Cha, nhờ tác động của Chúa Thánh Thần, để sau khi lãnh nhận Mình và Máu Chúa Ki-tô, chúng ta được hiệp nhất trong Hội Thánh, là Nhiệm Thể của Chúa Ki-tô.

Bạn thấy rước lễ quan trọng như thế nào khi biết rằng rước lễ tóm lược toàn bộ Thánh lễ. Do đó, những người tham dự Thánh lễ không nên tách rời cộng đoàn và tự cô lập mình, khi nghĩ rằng mình không xứng đáng lên rước lễ. Bạn không quên điều này: rước lễ không phải là một phần thưởng, nhưng là một lương thực.

Bạn hãy nhớ lại câu mà mọi người đều đọc trước khi rước lễ: “Lạy Chúa, con chẳng (xứng) đáng Chúa ngự đến cùng con, nhưng xin Chúa chỉ phán một lời, thì con được lành mạnh” (Sách Lễ Rô-ma, bản dịch 1992 của HĐGMVN). Như thế, vấn đề ở đây không phải là việc nêu lên phẩm giá của mình, nhưng trái lại, ý thức được rằng rước lễ không phải là một quyền lợi, nhưng là một ân huệ.

Khoảng cách giữa sự thánh thiện của Chúa và của ta ví tựa như trời cao với vực thẳm, cho nên đây không là lúc đặt vấn đề mình có xứng đáng hay không để rước Chúa vào lòng. Lời nguyện trên lặp lại lời của viên sĩ quan đã không dám tiếp đón Chúa Giê-su vào nhà mình: “... nhưng xin Ngài phán một lời” (Lc 7, 7). Trong Chúa Giê-su, Lời và bản thân Người chỉ là một. Để ý đến lời mời của Chúa Giê-su – “Hãy cầm lấy mà ăn” – quan trọng hơn việc tìm kiếm sự thanh khiết của chúng ta nhiều.

Và lại, chúng ta cảm thấy nghịch thường khi thấy một số tín hữu nhận lời mời của Chúa Ki-tô đến dự bữa tiệc thánh của Người, và do đó, tự xem là con cái trong một gia đình, lại tự tách riêng ra, không tham dự rước lễ, làm như họ là người ngoài bữa tiệc hoặc là những người bàng quan. Tham dự Thánh lễ mà không rước lễ là chưa thấu hiểu ý nghĩa đích thực của Bí tích Thánh Thể.

Tuy nhiên, có một vài ngoại lệ. Ngoài vấn đề những người bị vạ tuyệt thông hoặc phạm tội nặng không được rước lễ, có thể vào lúc rước lễ, với đức tin cao độ, chúng ta thực sự cảm thấy chưa sẵn sàng trong nội tâm để tiến lên đón nhận Mình Thánh Chúa. Vì rước lễ đòi hỏi sự chuẩn bị cả con người chúng ta, nên phải làm hết sức để tránh làm sao cho việc rước lễ khỏi trở nên máy móc, nhàm chán. Có lẽ trong một vài trường hợp, ta không nên lên rước lễ, không phải vì ưu tư về sự thanh khiết của mình, nhưng vì không phù hợp với lòng thành của mình trước cử chỉ ta sắp thực hiện.

31. Tại sao chúng ta ít khi được rước cả Mình Thánh và Máu Thánh Chúa?

Giáo Hội khuyến khích việc chịu lễ Mình và Máu Thánh Chúa, vì hoàn toàn phù hợp với lời mời của Chúa Giê-su: “Hãy cầm lấy mà ăn”, “Hãy cầm lấy mà uống”.

Nhưng khi có nhiều người tham dự Thánh lễ, việc cho rước lễ dưới hai hình bánh và rượu gặp nhiều khó khăn cụ thể. Đó là lý do giải thích tại sao hiếm khi bạn được rước lễ dưới hai hình thức. Mong rằng trong các dịp lễ trọng, và khi có nhiều thừa tác viên cho rước lễ, giáo dân được rước cả Mình và Máu Thánh Chúa.

Điều quan trọng cần nhấn mạnh ở đây, là khi bạn chỉ rước Mình Thánh Chúa hoặc chỉ rước Máu Thánh Chúa, bạn đều rước Chúa Giê-su Ki-tô trọn vẹn. Người hiện diện thật sự và trọn vẹn ngay chỉ dưới một hình thức (Sắc lệnh của Công đồng Trent (hoặc Tri-đen-ti-nô), khoá họp 13, năm 1551).

Có người đặt câu hỏi: Có thể rước lễ nhiều lần trong ngày được không? Theo Giáo Luật mới (1983), số 917, ai đã rước lễ rồi thì có thể rước lễ một lần nữa trong ngày đó, nhưng chỉ ở trong Thánh lễ mà họ tham dự mà thôi.

32. Nên rước lễ bằng tay hay bằng miệng?

Đối với một số người, rước lễ bằng tay có vẻ thiếu tôn kính với Mình Thánh Chúa Ki-tô. Hôm trước ngày chịu nạn, trong lúc lập phép Thánh Thể, Chúa Giê-su “cầm lấy bánh, đọc lời tạ ơn, bẻ ra và trao cho các môn đệ” (Lc 22, 19). Chắc chắn là các môn đệ đã cầm bánh thánh trong tay của mình. Và Giáo Hội cũng đã tiếp tục làm như thế trong suốt 10 thế kỷ đầu. Sử liệu không thiếu để minh chứng việc này.

Việc rước lễ bằng miệng chỉ xuất hiện sau đó. Một đàng, việc Giáo Hội chống mọi hình thức ma thuật và tục lệ mê tín dị đoan (ví dụ: chôn bánh thánh trong đất ruộng để mùa gặt được tốt) dẫn đến việc rước lễ bằng miệng. Đàng khác, do người ta ngày càng nhạy cảm về tính chất thiêng liêng của Mình Thánh để rồi đi đến suy nghĩ cho rằng chỉ có linh mục mới có quyền đụng đến bánh thánh.

Rước lễ bằng tay và rước Máu Thánh Chúa được tái lập bởi Công đồng Vatican II.

Ngày nay, người tín hữu được tự do chọn một trong hai cách rước lễ. Cách nào hay hơn đối với bạn? Điều cốt yếu là bạn tham dự bữa tiệc Thánh Thể và đón rước Mình Thánh Chúa Ki-tô Phục Sinh với tất cả lòng cung kính.

33. Tại sao các tín hữu không tự đến lấy bánh thánh?

Các tín hữu không tự động đến lấy bánh thánh, mà nhận bánh thánh từ tay linh mục, phó tế hay từ một thừa tác viên. Ở Bữa Tiệc Ly cũng vậy, chính Chúa Giê-su đã trao ban bánh và rượu cho các môn đệ của mình.

Thánh Thể là ân huệ được ban tặng cho chúng ta. Bạn không tự mình cầm lấy được, nhưng đón nhận từ một người khác. Tự mình nhận lấy bánh thánh và rượu thánh có thể sẽ dẫn đến sự hiểu lầm cho rằng bạn có quyền nào đó trên các tặng phẩm cao quý này. Không phải thế. Thánh Thể là hồng ân của Chúa, không ai có quyền hoặc có thể chiếm đoạt lấy cho mình. Chỉ có Chúa Ki-tô ban hồng ân theo ý Người và theo lòng nhân từ của Người.

Ai đón nhận bánh thánh là đón nhận ơn cứu độ, vì người ấy đón nhận chính Đấng Cứu Thế là Đấng hiện diện dưới hình bánh.

34. Câu chúc kết thúc Thánh lễ – “Lễ đã xong, chúc anh chị em ra về bình an” – có ý nghĩa gì?

Đó là những lời cuối cùng mà chủ tế nói trong Thánh lễ. Những lời này không chỉ có mục đích để kết thúc Thánh lễ bằng cách giải tán giáo dân, nhưng còn có ý nghĩa sai đi. Linh mục muốn nói:

° Anh chị em vừa nghe Lời Chúa, vừa suy ngẫm và tung hô lời giáo huấn của Chúa Ki-tô, thì bây giờ hãy đem những lời ấy ra thực hành. Hãy đi làm chứng về điều mình vừa nghe, về điều mình tin.

° Trong thánh lễ, anh chị em đã nhớ rằng Chúa Ki-tô đã hiến mạng sống mình vì tình yêu, và anh chị em cố gắng noi theo gương của Người. Anh chị em đã lãnh nhận Mình và Máu Thánh Chúa Ki-tô.

Giờ đây, anh chị em hãy ra đi trong bình an của Chúa Ki-tô! Hãy ban tặng sự sống của mình giống như Chúa Ki-tô đã làm! Hãy yêu mến tha nhân như Người đã làm gương cho chúng ta! Hãy yêu thương, tha thứ và đi gieo niềm hy vọng khắp mọi nơi!

Trong Sách Lễ bằng Pháp ngữ, chủ tế nói: “Hãy ra đi trong bình an của Chúa Ki-tô” (Allez dans la paix du Christ). Còn trong Sách Lễ bằng Anh ngữ, có thể chọn một trong 3 công thức sau:

– “Hãy ra đi trong bình an của Chúa Ki-tô” (Go in the peace of Christ)

– “Thánh lễ đã xong, hãy ra đi trong bình an” (The Mass is ended, go in peace)

– “Hãy ra đi trong bình an yêu mến và phục vụ Thiên Chúa” (Go in peace to love and serve the Lord)

35. Bồng lễ (tiền xin lễ) để làm gì?

Tất cả mọi Thánh lễ được cử hành đều dành cho toàn thể giới, như Chúa Giê-su đã phán: “Minh Thầy bị phó nộp vì các con. Máu Thầy đổ ra để mọi người được tha tội” (Lc 22, 19-20 và Mt 26, 26-28). Vì thế, trong Thánh lễ, Giáo Hội cầu nguyện cho hết mọi người: hàng giáo sĩ, tu sĩ, giáo dân cũng như cho những người đã qua đời. Tuy nhiên, vị chủ tế vẫn có thể kết hợp các ý nguyện chung này với một ý cầu nguyện riêng của tín hữu.

Thánh lễ vô giá. Nhưng ngay từ thời Giáo Hội sơ khai, các tín hữu đã muốn chứng tỏ rằng việc tham dự Thánh lễ bao gồm toàn vẹn bản thân, cũng như chính Chúa Ki-tô đã trao hiến trọn vẹn thân Người. Vì thế, họ đã đem đến dâng hoặc bằng hiện vật (bánh, rượu, đèn nến...), khởi đầu cho việc kiệu rước lễ vật trong Thánh lễ, hoặc bằng tiền, để trang trải những chi phí phụng tự, giúp cho linh mục có điều kiện sinh sống, trang trải các hoạt động của Giáo Hội. Đó là ý nghĩa lễ vật của họ khi họ ủy thác cho vị linh mục một ý chỉ nào đó.

Từ đó phát sinh “tiền xin lễ” khá phổ biến kể từ thế kỷ XII. Các toà giám mục tùy ý ấn định giá bổng lễ nhưng phải hợp với khả năng của mọi người. Vì lo rằng việc xin lễ có thể phát sinh những hình thức thương mại, nên nhiều người chủ trương dẹp bỏ thói quen này. Nhưng các hoạt động của Giáo Hội cũng như của hàng giáo sĩ đều dựa vào những đóng góp tự nguyện của giáo dân, trong đó có việc dâng bổng lễ. Vì thế, trong thực tế, thật khó mà xem thường phần đóng góp quý báu này của giáo dân.

36. Có thể cử hành Thánh lễ chỗ nào khác ngoài nhà thờ không?

Thánh lễ có thể được cử hành ở ngoài nhà thờ, như ta đã từng thấy tại những nơi khốn khổ (trong trại tù, trong nhà riêng ở những vùng có cấm đạo...) Thánh lễ có thể được cử hành dưới nhiều hình thức khác nhau.

Khi Thánh lễ được cử hành ở những nơi khác ngoài nhà thờ, điều quan trọng là ý nghĩa Thánh lễ phải được tôn trọng tối đa. Tại những nơi có đông người tham dự, việc cử hành nhằm sao cho trang trọng để mọi người có thể tham dự một cách tích cực và sốt sắng. Tại nhà riêng, vấn đề quan trọng là đừng để việc cử hành Thánh lễ bị tầm thường hoá: sắp xếp chỗ cử hành, chủ tế phải mặc y phục phụng vụ, người tham dự phải trang nghiêm, đó là những điều giúp cho Thánh lễ thêm long trọng.

37. Dự lễ qua đài truyền hình hoặc truyền thanh có được coi là tham dự Thánh lễ thật sự hay không?

Thánh lễ trên đài truyền hình hoặc truyền thanh là một Thánh lễ đích thực, vì được truyền trực tiếp từ một giáo xứ hay một dòng tu. Nhưng đài truyền hình và truyền thanh không truyền hết được tất cả các phần và chi tiết của Thánh lễ.

Thánh lễ được truyền hình và truyền thanh có những lợi điểm nhưng cũng có những giới hạn. Các phương tiện truyền thông này giúp cho những ai (bệnh nhân chẳng hạn) không thể đi đến nhà thờ có thể cầu nguyện trong sự hiệp thông với một cộng đoàn và liên kết với toàn thể Hội Thánh. Họ được nghe các bài Sách Thánh Chúa Nhật và nghe bài giảng chú giải thực dụng của Lời Chúa. Và lại, các tín hữu, nơi Thánh lễ được truyền hình hoặc truyền thanh, cũng có ý thức trong việc lôi kéo, khuyến khích lòng thành và đạo đức của những ai đang phải sống cô quạnh để họ hiệp thông với Hội Thánh qua phương tiện truyền thông.

Nhưng Thánh lễ qua đài truyền hình hoặc truyền thanh không thể thay thế việc đến nhà thờ tham dự Thánh lễ. Không phải việc xét dự lễ như thế có được xem như đã giữ luật buộc dự lễ ngày Chúa Nhật hay chưa, bởi những người không thể di chuyển được vì lý do bệnh tật, vì phải sống xa nhà thờ hay vì thời tiết cản trở, đều không buộc phải đi lễ ngày Chúa Nhật. Như thế, chúng ta không có lý do gì ngồi ở nhà, thực hiện điều mà đáng lẽ chúng ta phải làm ở nhà thờ.

Yếu tố đầu tiên của mọi bí tích, đó là cộng đoàn tín hữu đáp lại lời mời gọi của Thiên Chúa, và trong lời cầu nguyện, trong lúc nghe Lời Chúa và trong tình bác ái huynh đệ, họ cùng nhau cử hành sự chết và sự sống lại của Đức Giê-su Ki-tô.

38. Tại sao ngôn ngữ Phụng vụ không thích nghi với ngôn ngữ ngày nay?

Ngôn ngữ Phụng vụ phải thích nghi sao cho mọi tín hữu hiểu được, không phải chỉ dành riêng cho một nhóm người riêng biệt nào đó, qua chức vụ hay nhờ học tập nhiều mới thấu hiểu được. Và lại Thánh lễ biểu hiện sự hiệp thông của mọi tín hữu trong Chúa Ki-tô.

Nhưng mỗi người phải có một thời gian học hỏi mới có thể hiểu được một ngôn ngữ nào đó. Ví dụ: bạn không thể làm cho một người nào đó hiểu về ngôn ngữ của các thảo trình trên máy vi tính, trong khi người đó chưa sử dụng máy vi tính bao giờ cả! Hoặc là, bạn không thể buộc người nào đó chưa từng chơi tíc cầu phải hiểu ngay được bài tường thuật truyền hình về giải bóng tròn thế giới! Về ngôn ngữ Phụng vụ cũng vậy thôi.

Cầu nguyện theo Ki-tô giáo không phải chỉ nói lên nguyện vọng của mình với Thiên Chúa. Nhưng lời cầu nguyện còn làm cho chúng ta liên kết với Thiên Chúa, vì qua lời cầu nguyện của chính Chúa Ki-tô, qua lời nói và việc làm của Người, mà người tín hữu lặp lại như lời cầu nguyện của chính mình vậy.

Bạn có được hướng dẫn thực sự trong việc cầu nguyện, trong việc đọc Kinh Thánh không? Bạn có tiếp tục đào sâu giáo lý sơ cấp mà bạn đã được học lúc còn bé thơ không?

39. Để cử hành Thánh lễ, người ta có thể thay thế bánh miến và rượu nho bằng các thứ khác, chẳng hạn bằng cơm và trà ở Á châu, hoặc bằng bánh khoai mì và rượu thốt nốt bên Phi châu được không?

Ngày nay, Ki-tô giáo được loan truyền khắp thế giới và Công đồng Vatican II mong muốn mỗi dân tộc diễn tả đức tin theo truyền thống văn hóa riêng của mình. Vậy tại sao không thích nghi bữa tiệc Thánh Thể với bữa ăn truyền thống của mỗi dân tộc?

Bánh miến (làm bằng bột mì) và rượu nho có vẻ quá gắn bó với nền văn hoá Cận Đông và Tây phương. Nhưng bạn đừng quên rằng Chúa Giê-su là người Do Thái, chính Người đã dùng bánh miến và rượu nho để lập phép Thánh Thể.

Dùng bánh miến và rượu nho cũng là một cách để nhớ lại rằng Thiên Chúa đã đi vào lịch sử. Mặc khái Ki-tô giáo đã được thực hiện trong một nơi chốn rõ rệt và một thời điểm nhất định. Khi chúng ta tuân theo huấn lệnh của Chúa Giê-su – “Hãy làm việc này để nhớ đến Thầy” – chúng ta phải để ý đến những điều kiện cụ thể này của việc Người nhập thể.

Đàng khác, bạn đừng quên biểu tượng phong phú của bánh miến và rượu nho trong Kinh Thánh. Ví dụ:

◦ “Thầy là bánh hằng sống” (Ga 6, 35.48). “Thầy là bánh từ trời xuống. Ai ăn bánh này sẽ sống đời đời” (Ga 6, 51). (Bánh ở đây phải hiểu là bánh miến).

◦ “Thầy là cây nho thật” (Gioan 15, 1). “Thầy là cây nho, các con là cành nho...” (Ga 15, 5).

“Bánh miến” và “cây nho” là hai đề tài rất thường gặp trong Kinh Thánh.

Do đó, hai thứ thực phẩm này, hơn hẳn mọi thứ khác, nêu bật ý nghĩa về mối giao ước mới và vĩnh cửu giữa Thiên Chúa và loài người, được đóng ấn trong Đức Giê-su Ki-tô và được cử hành trong mỗi Thánh lễ.

40. Tại sao buộc đi lễ ngày Chúa Nhật?

Ngày nay, nhiều tín hữu nhiệt thành không thích kiêu nói “buộc đi lễ ngày Chúa Nhật”. Họ khó chấp nhận việc dâng lễ ngày Chúa Nhật như là một bổn phận phải giữ! Thật vậy, người ta thường nói đến Ki-tô giáo với những bổn phận phải chu toàn.

Những kiêu nói “luật buộc”, “bổn phận” đúng ra nên được hiểu như là những dấu hiệu báo động: chúng không chỉ định một lý tưởng phải vươn tới, nhưng chỉ là một nhắc nhở lòng trung thành cần phải giữ và phát triển.

Khi đức tin sống động, thì không cần phải nói đến việc buộc giữ ngày Chúa Nhật. Nếu bạn yêu mến Chúa Ki-tô thì bạn không thể không đáp lại lời mời gọi của Người. Khi bạn đang đói và được người ta dọn một bữa ăn thịnh soạn, hỏi rằng bạn có thực sự bị bắt buộc ăn hay không? Nếu bạn khao khát hạnh phúc và bình an, thì chỉ có Chúa Ki-tô mới có thể làm cho bạn thoả lòng. Vậy bạn có bị bắt buộc phải tiếp đón Chúa Ki-tô khi Người mời gọi bạn đến dự tiệc Thánh Thể của Người không? Tham dự Thánh lễ không phải là dịp để chúng ta lấy lại sức cho đời sống thường nhật của chúng ta hay sao?

Trước câu hỏi: “có buộc đi lễ các ngày Chúa Nhật hay không?”, câu trả lời sẽ là “có” cho những ai không mắc ngăn trở thật sự để đến tham dự thánh lễ.

Và lại, Giáo Hội khuyến nhủ các tín hữu cử hành Thánh lễ hằng ngày. Tham dự Thánh lễ mỗi ngày là thông phần hoàn toàn với hành vi phụng vụ của Giáo Hội để dâng lên trên bàn thờ tất cả đời sống và lịch sử của con người. Đối với các tín hữu có thể đi nhà thờ được, Thánh lễ hằng ngày đặt sự phục sinh của Chúa Ki-tô ngay giữa các hoạt động trong ngày của họ: nghề nghiệp, gia đình, xã hội...

Trong mỗi quan hệ của chúng ta đối với Thiên Chúa, khi chúng ta bắt đầu tính toán để khỏi làm hơn bốn phần đời hỏi, làm vừa vặn cho đúng luật buộc, khi chúng ta cố “mặc cả” về điều “được phép” và “điều cấm đoán” để tìm ra những điều dễ làm hơn, khi chúng ta muốn tìm ơn cứu rỗi “rẻ tiền”, thì lúc đó chúng ta nên xét lại tình trạng sức khỏe đức tin của chúng ta!

Kết luận

Qua những câu trả lời về Thánh lễ này, chúng ta đã khám phá ra hoặc khám phá lại ý nghĩa của Thánh lễ. Nhưng giải thích Thánh lễ vẫn chưa đủ, mà cần phải sống và cử hành Thánh lễ trong đức tin, với tất cả tâm tình.

Thánh lễ không phải là một loạt nghi thức nối tiếp nhau, nhưng là cùng một hiến tế tạ ơn, cùng một Mầu nhiệm Phục sinh. Thánh lễ cũng không thể bị thu nhỏ lại thành một cộng đoàn lắng nghe Lời Chúa và tuyên xưng đức tin của mình. Trước tiên, Thánh lễ là sự hiện diện tác động của hy lễ của Chúa Ki-tô, chính Người kết hợp và thánh hiến Giáo Hội, chính Người ban đời sống thần linh qua Mình và Máu Người trong rước lễ. Hiến chế về “Phụng vụ Thánh” nói rõ điểm đó:

“Trong Bữa Tiệc sau hết, vào đêm bị nộp, Đấng Cứu Chuộc chúng ta đã thiết lập Hy tế Tạ ơn bằng Mình Máu Người, để nhờ đó Hy tế Khổ giá kéo dài qua các thời đại cho tới khi Người lại đến, và cũng để ủy thác cho Hiền Thê yêu quý của Người là Giáo Hội việc tưởng nhớ cái Chết và Sống Lại của Người: đây là bí tích tình yêu, dấu chỉ hiệp nhất, mỗi

dây bác ái, bữa tiệc vượt qua, trong đó chúng ta ăn Chúa Ki-tô, được tràn đầy ân sủng, và được bảo đảm vinh quang tương lai” (số 47).

Giáo Hội không ngừng nhấn mạnh sự quan trọng của Thánh lễ trong đời sống Ki-tô hữu. Ví dụ: theo các văn kiện của Công đồng Vatican II, Thánh lễ là “trung tâm điểm của cộng đoàn tín hữu” (Sắc lệnh LM, số 5), là “nguồn mạch và chóp đỉnh của tất cả đời sống Ki-tô giáo” (Hiến chế GH, số 11), và là “nguồn mạch ơn thánh hóa cho con người và làm vinh danh Thiên Chúa” (Hiến chế PV, số 10).

Gốc rễ, nguồn mạch, trung tâm, chóp đỉnh: Thánh lễ là tâm điểm của đức tin và đời sống của chúng ta. Theo công thức nổi tiếng của Đức Hồng y Henri de Lubac, “nếu Giáo Hội làm lên Thánh lễ” (si l’Église fait l’eucharistie), thì trước tiên và tiên quyết, “Thánh lễ làm lên Giáo Hội” (l’eucharistie fait l’Église).

Thánh lễ là bữa tiệc, trong đó Thiên Chúa bổ sức cho chúng ta tiến đến hạnh phúc vĩnh cửu. Chúa Giê-su đã phán: “Ai ăn thịt Ta và uống máu Ta, thì có sự sống đời đời, và Ta, Ta sẽ cho kẻ ấy sống lại ngày sau hết” (Ga 6, 54).

Ước gì mỗi người chúng ta biết sống sâu sắc Bí tích Thánh Thể để lãnh nhận những ơn thánh bổ ích cho cuộc đời của chúng ta và để sinh nhiều hoa trái.

* Giải thích một số từ Phụng vụ

Alleluia (hay hallelujah)

Tiếng Do Thái, có nghĩa “hãy ngợi khen Thiên Chúa”. Alleluia, được đọc hoặc hát trước khi nghe công bố Tin Mừng (Phúc Âm), diễn tả niềm hân hoan, tán dương và ngợi khen, và mời gọi chúc tụng Thiên Chúa vinh quang. Do đó, trong Mùa Chay, mùa sám hối và hoán cải, mùa tưởng niệm mầu nhiệm khổ nạn của Chúa Ki-tô, chúng ta không đọc hoặc hát Alleluia trong các nghi thức phụng vụ. Amen (Xem câu hỏi số 12)

Bài giảng (hay Bài Diễn giảng)

Giảng ở đây có nghĩa là giảng Lời Chúa: linh mục chú giải về đoạn Tin Mừng vừa nghe, quảng diễn và áp dụng Lời Chúa trong đời sống hằng ngày. Bài giảng là phần phụng vụ phải có trong các Thánh lễ Chúa Nhật và Lễ Trọng, vì sau Công đồng Va-ti-ca-nô II, Giáo Hội luôn nhấn mạnh vai trò quan trọng của Tin Mừng, của Thánh Kinh trong thánh lễ cũng như trong đời sống Ki-tô hữu.

Bí tích

Danh từ bí tích (bí: kín, dấu kín không biết được; tích: dấu vết để lại) dịch từ chữ Hylạp “mysterion” hoặc từ chữ La-tinh “sacramentum”.

Bí tích cũng còn được gọi là Nhiệm tích.

Sách “Giáo lý Giáo hội Công giáo” (1992) định nghĩa bí tích như sau: “Các bí tích là những dấu hiệu hữu hiệu của ân sủng do Chúa Ki-tô thiết lập và được trao lại cho Giáo Hội để ban sự sống thần linh cho chúng ta. Các nghi thức hữu hình để cử hành các bí tích thì nói lên và thực hiện những ân sủng riêng của mỗi bí tích” (số 1131).

Bí tích là máng chuyển ơn Chúa cho chúng ta. Mọi bí tích đều là hành vi của Chúa Ki-tô được Giáo Hội cử hành qua nghi thức phụng vụ gồm sự vật, cử chỉ và lời nói kèm theo. Ví dụ: trong Bí tích Rửa Tội, linh mục đổ nước 3 lần trên đầu thụ nhân hoặc chìm thụ nhân 3 lần trong giếng rửa, và đọc: “T..., cha rửa con, nhân danh Cha và Con và Thánh Thần”.

Có tất cả 7 bí tích: *Rửa Tội (hoặc Thánh Tẩy), Thêm Sức, Thánh Thể, Hoà Giải (hoặc Giải Tội), Xức Dầu Bệnh Nhân, Truyền Chức và Hôn Phối.*

Hiển tế Tạ ơn

Hiển tế Tạ ơn là một cách gọi khác của Thánh lễ và Lễ Misa. Từ ngữ này (dịch từ động từ Hylạp “eucharistein”: tạ ơn) diễn tả rõ ràng mục đích chính của Thánh lễ: cảm tạ và ngợi khen Chúa Cha nhờ Chúa Ki-tô, với Người và trong Người, cũng như sự kết hợp của Giáo Hội với các tác động này của Chúa Ki-tô (xem câu hỏi số 1).

Kinh Tin Kính

Có 2 bản Kinh Tin Kính: Kinh Tin Kính các Tông đồ và Kinh Tin Kính Nixê. Dưới hình thức này hay hình thức khác, Kinh Tin Kính được cộng đoàn đọc trong các Thánh lễ Chúa Nhật và Lễ trọng sau bài Tin Mừng và bài giảng.

° Kinh Tin Kính các Tông đồ, cũng gọi là Biểu Tín các Tông đồ (symbole des Apôtres), là bản Kinh Tin Kính xưa nhất, có từ thế kỷ II. Bản này tổng hợp các công thức đã có trước đó. Từ thế kỷ VI, bản này có hình thức như chúng ta thấy hiện nay. Đây là bản tuyên xưng những tín điều chính yếu nhất khi chịu phép Rửa.

° Kinh Tin Kính Nixê do Công đồng Nixê (Nicée) chấp thuận vào năm 325 nhằm đối phó với lạc thuyết arianô chối bỏ thần tính của Chúa Giê-su Ki-tô. Sau đó bản này được Công đồng Constantinople bổ túc vào năm 381 nhằm để xác quyết thần tính của Chúa

Thánh Thần do nhiều bề rối chôi bỏ, vì thế đôi khi người ta gọi bản này là kinh Tin Kính của các Công đồng Nixêa-Constantinople. Giáo dân Việt Nam thường đọc bản này trong Thánh lễ.

Kinh Vinh Danh

Bài thánh ca này đã có từ lâu đời cũng được gọi là “khúc hát thiên thần” (le cantique des anges). Giáo Hội, được đoàn tụ trong Chúa Thánh Thần, dùng Kinh Vinh Danh để tôn vinh Chúa Cha và cầu khẩn Chúa Chiên Con. Kinh Vinh Danh được hát hay đọc vào phần đầu Thánh lễ Chúa Nhật (trừ Mùa Vọng và Mùa Chay), trong các lễ trọng, lễ kính và trong các dịp lễ khá long trọng. Người ta không biết tác giả là ai cũng như năm sáng tác, nhưng biết rằng kinh Vinh Danh đã có trong kinh sáng bên Đông Phương vào thế kỷ thứ IV.

Lễ Misa

Trong Sách Lễ Rô-ma, bản chính bằng tiếng La-tinh, để kết thúc Thánh lễ, chủ tế đọc “Ite missa est”. Missa (do động từ La-tinh “mittere”: gửi đi) có nghĩa là sự trả về. Do đó “Ite missa est” có nghĩa là “Hãy đi, đây là lúc giải tán”, cũng như khi ta nói: “Thôi về đi, mọi việc đã xong rồi!” Đương nhiên, chúng ta biết công thức bằng tiếng Việt: “Lễ đã xong, chúc anh chị em ra về bình an” (xem câu hỏi số 34). Từ thế kỷ IV, chữ missa chỉ định toàn bộ Thánh lễ. Từ đó, có tiếng Pháp – “Messe”, tiếng Anh – “Mass”, và tiếng Việt – “*Lễ Misa*”.

Năm Phụng vụ

Năm Phụng vụ, bắt đầu từ Chúa Nhật I Mùa Vọng (vào cuối tháng 11 hoặc đầu tháng 12, tùy theo năm) cho đến thứ bảy của tuần 34 Thường Niên, nhằm kể lại toàn bộ lịch sử ơn cứu độ và cuộc đời của Chúa Ki-tô mà Lễ Phục Sinh là đỉnh điểm.

Mỗi lễ Phụng vụ làm nổi bật một khía cạnh nào đó của mầu nhiệm cứu độ duy nhất.

Năm Phụng vụ gồm các mùa sau đây, theo tuần tự:

- Mùa Vọng: khoảng 4 tuần trước Lễ Giáng Sinh.
- Mùa Giáng Sinh: từ Lễ Giáng Sinh tới cuối tuần Lễ Hiển Linh.
- Mùa Thường Niên (hoặc Quanh Năm) (phần I): từ Chúa Nhật sau Lễ Hiển Linh đến Thứ Tư Lễ Tro. Vì ngày Lễ Phục Sinh không cố định nên Mùa này kéo dài từ 5 đến 9 tuần, tùy theo năm.

◦ Mùa Chay: gồm 40 ngày (không tính các ngày Chúa Nhật), từ Thứ Tư Lễ Tro đến Chúa Nhật Phục Sinh.

◦ Mùa Phục Sinh: gồm 50 ngày, từ Chúa Nhật Phục Sinh đến Chúa Nhật Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống.

◦ Mùa Thường Niên (phần II): kéo dài từ 25 đến 29 tuần (tùy theo năm), từ Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống đến Chúa Nhật I Mùa Vọng. Năm Phụng vụ mới lại bắt đầu.

+ Ngày Lễ Phục Sinh được tính vào Chúa Nhật đầu tiên sau trăng tròn đầu tiên của mùa xuân. Từ ngày Lễ Phục Sinh này, người ta xác định được ngày của 3 lễ khác: Thứ Tư Lễ Tro, 40 ngày trước đó (không tính các ngày Chúa Nhật); Lễ Thăng Thiên, 40 ngày sau (vào ngày thứ năm); Lễ Chúa Thánh Thần Hiện Xuống, 50 ngày sau (vào ngày Chúa Nhật).

Nhà Châu – Nhà Tạm

Nhà Châu hay Nhà Tạm là một chiếc tủ nhỏ chứa đựng Mình Thánh Chúa. Tùy kiến trúc từng nhà thờ mà Nhà Châu được đặt tại gian cung thánh hoặc bên cạnh. Theo lịch sử Phụng vụ, việc giữ Mình Thánh Chúa trong Nhà Châu, hay Nhà Tạm, trước tiên là để dành cho những người bệnh hoặc những người hấp hối sắp ra đi như “của ăn đàng”. Ngày nay, Giáo Hội tiếp tục giữ Mình Thánh Chúa trong Nhà Châu để cho tín hữu có thể đến viếng và cầu nguyện trong ngày, ngoài những nghi thức Phụng vụ chính thức. Đèn châu, được đặt bên cạnh, ngày đêm thấp sáng nói lên sự hiện diện của Chúa Ki-tô ở giữa dân Người.

Phụng vụ

Danh từ Phụng vụ (phụng: vâng phục, tôn sùng; vụ: công việc) được dịch từ chữ Hylạp “leiturgia” (ghép bởi danh từ ergon = công việc, và tính từ “leitios” = công cộng) có nghĩa: việc công cộng có ích cho dân chúng. Trong quá trình lịch sử, danh từ “leiturgia” có thêm nhiều nghĩa khác nhau. Theo tinh thần của Công đồng Vatican II, Phụng vụ là tác động linh thiêng, qua đó, và dưới một nghi thức, hành vi tư tế của Chúa Ki-tô, nghĩa là công cuộc thánh hoá con người và vinh danh Thiên Chúa, được thực hiện và tiếp tục trong Giáo Hội và bởi Giáo Hội. Nói một cách đơn giản, phụng vụ chỉ định các nghi thức thờ phượng công cộng của Giáo Hội. Các nghi thức Phụng vụ, theo định nghĩa, phải có sự chủ tọa của một thừa tác viên của Giáo Hội với sự tham dự tích cực của các tín hữu. Ngoài ra, danh từ Phụng vụ còn có 2 nghĩa khác nữa:

◦ Bên Đông phương, Phụng vụ có nghĩa là chính Thánh lễ.

◦ Phụng vụ chỉ định môn học về các việc phụng tự khác nhau. Ví dụ: Thần học Phụng vụ, Phụng vụ Đông phương...

Thánh lễ Đồng tế

Thánh lễ đồng tế do nhiều linh mục cùng cử hành, và dưới sự chủ tọa của một vị.

◦ Tại Tây phương, trước thế kỷ XIII, Thánh lễ được đồng tế “âm thầm”, nghĩa là chỉ có vị chủ tế, là người có chức vụ lớn nhất, đọc Kinh Tạ Ôn (Kinh nguyện Thánh Thể) mà thôi. Vào thế kỷ XIII tại Rô-ma, các vị đồng tế cùng đọc Kinh Tạ Ôn với Đức Giáo hoàng, và mỗi vị cầm một bánh lễ trong tay của mình. Khoảng cuối thời Trung Cổ, Thánh lễ Đồng tế không còn phổ thông nữa.

Công đồng Vatican II (1962-1965) xác định giá trị cao cả của Thánh lễ Đồng tế, vì việc đồng tế biểu lộ cách thích đáng của chức linh mục và của hy tế, cũng như sự hợp nhất của toàn dân Chúa.

◦ Tại Đông phương, thánh lễ đồng tế vẫn được duy trì từ xưa tới nay.

“Thánh! Thánh! Chí Thánh!”

Bài hát này là bản tổng hợp của một số câu Kinh Thánh: (theo bản dịch mới)

◦ Thánh! Thánh! Chí Thánh! Thiên Chúa, Chúa Tể cần khôn là Đấng Thánh (Is 6, 3; Kh 4, 8).

◦ Trời đất rạng ngời vinh quang Chúa (Is 6, 3).

◦ Hoan hô Chúa trên các tầng trời (Mt 21, 9).

◦ Chúc tụng Đấng ngự đến nhân danh Chúa (Tv 117, 26; Mt 21, 9).

◦ Hoan hô Chúa trên các tầng trời (Mt 21, 9).

Câu trong Isaia (6, 3) gồm: “(Toàn trái) đất rạng ngời vinh quang Chúa”. Phụng vụ thêm chữ “trời”. Viễn ảnh trở nên bao la: cả trên trời và dưới đất, cả các thiên thần, các thánh và loài người, với muôn loài thụ tạo, đồng thanh tung hô vinh danh Chúa Cha.

Theo sách Khải Huyền (4, 8), bài “Thánh! Thánh! Chí Thánh!” là lời tung hô của các thiên thần và các thánh trên trời. Như thế, mỗi Thánh lễ được cử hành làm cho chúng ta hướng về lời tán tụng muôn đời này.

Biên soạn tại Rennes (France), tháng 10-1996

LM Giu-se Vũ Thái Hoà

Nguồn: <http://cdmartin.org/HoiDapThanhLe.shtml>

